chủng tộc không tồn tại về mặt sinh học

(không có nghĩa là phân biệt chủng tộc không tồn tại)

DỊCH & VIẾT
RẤT ĐỖI TỰ HÀO

Chủng tộc không tồn tại về mặt sinh học

(không có nghĩa là phân biệt chủng tộc không tồn tại)

Rất Đỗi Tự Hào *dịch và viết*

Mục lục

Lời biên tập 4

Không có cơ sở khoa học nào cho khái niệm chủng tộc, đó là một nhãn dán do con người tạo ra 7

Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc khoa học 27

Tiền sử của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc khoa học 43

Trắng không chỉ là một màu – Trắng là một hệ tư tưởng 57

Nhà nhân học Michel Agier: "Chủng tộc không tồn tại về mặt sinh học, nhưng chủng tộc được tạo ra bởi chủ nghĩa phân biệt chủng tộc thì tồn tại về mặt xã hội." 66

Chủng tộc và sắc tộc khác nhau như thế nào? 72

Unlearn 77

Làm sao để *unlearn* tư duy phân biệt chủng tộc? 82

Lời biên tập

Cách đây không lâu, trong một bài đăng trên mạng xã hội, Rất Đỗi Tự Hào đã chia sẻ một ý tưởng cốt lõi, vốn là đồng thuận khoa học hiện nay và cũng là tựa đề của tập sách này: "Chủng tộc không tồn tại về mặt sinh học".

Ngay sau đó, một bình luận đã xuất hiện và nhận được sự ủng hộ đông đảo, tóm gọn lại những niềm tin cố hữu mà nhiều người trong chúng ta vẫn cho là sự thật hiển nhiên. Bình luận đó cho rằng chủng tộc là có thật, là bằng chứng cho thấy môi trường đã định hình cơ thể con người qua những đặc điểm giải phẫu riêng biệt – từ hình dáng hộp sọ, màu da, nếp mí cho đến cấu trúc mũi, và kết luận rằng phát ngôn của Rất Đỗi Tự Hào là "cào bằng".

Chính từ "cào bằng" đó, với tất cả sắc thái miệt thị và sự hiểu sai một cách sâu sắc về cuộc đấu tranh cho bình đẳng, đã trở thành một trong những động lực lớn nhất thôi thúc chúng tôi thực hiện tập sách này. Bởi lẽ, nó cho thấy một hố sâu ngăn cách giữa những gì khoa học nói và những gì định kiến xã hội gieo rắc. Để lấp đầy hố sâu đó, chúng ta cần nhiều hơn là một câu khẳng định; chúng ta cần một hành trình khám phá và *unlearn* triệt để.

Hành trình đó bắt đầu với bài viết tổng hợp từ National Geographic, cung cấp một nền tảng vững chắc và không thể chối cãi từ di truyền học hiện đại. Bài viết chỉ ra rằng tất cả chúng ta đều có chung nguồn gốc châu Phi, và những khác biệt ngoại hình như màu da thực chất chỉ là kết quả của những thay đổi cực nhỏ

trong DNA, phản ánh sự thích nghi của tổ tiên với môi trường chứ không nói lên điều gì sâu xa hơn về bản chất loài người.

Tiếp nối nền tảng khoa học đó, chúng tôi giới thiệu hai bài viết đào sâu vào lịch sử của một ý tưởng độc hại: Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc khoa học. Bài viết từ Bách khoa toàn thư Britannica cho một cái nhìn tổng quan về tư tưởng này, bài viết từ MIT Press Reader tiếp nối bằng cách lùi xa hơn về tiền sử của nó, lần theo dấu vết của nó từ các hệ thống phân cấp cổ đại, qua thời kỳ Khai sáng, cho đến khi nó được thể chế hóa để phục vụ cho chủ nghĩa thực dân và chế độ nô lệ.

Khi đã hiểu về lịch sử, chúng ta sẽ đi vào trung tâm của vấn đề với bài xã luận "Trắng không chỉ là một màu – Trắng là một hệ tư tưởng" từ Al Jazeera. Bài viết lập luận rằng "tính da trắng" là một hệ tư tưởng về quyền lực và sự thượng đẳng được kiến tạo xã hội. Đây là một bước chuyển quan trọng, giúp chúng ta nhận ra rằng chủng tộc là sản phẩm của phân biệt chủng tộc, chứ không phải ngược lại. Bài tiếp theo về cuộc phỏng vấn nhà nhân học Michel Agier tiếp tục củng cố luận điểm này. Bài "Chủng tộc và sắc tộc khác nhau như thế nào?" nhắc chúng ta rằng mặc dù chủng tộc không có cơ sở di truyền, khái niệm xã hội về chủng tộc vẫn định hình trải nghiệm của loài người.

Phần cuối cùng lời kêu gọi hành động. Bài viết *Unlearn* từ chính đội ngũ Rất Đỗi Tự Hào giới thiệu một khái niệm thiết yếu: chủ động gỡ bỏ những kiến thức và niềm tin đã lỗi thời. Và để quá trình đó không chỉ dừng lại ở lý thuyết, "Làm sao để *unlearn* tư duy phân biệt chủng tộc?" khép lại tập sách, mang đến phân tích về các phương pháp chống phân biệt chủng tộc.

Thông qua tập sách này, Rất Đỗi Tự Hào hy vọng có thể trao cho bạn một bộ công cụ tri thức – từ di truyền học, lịch sử cho đến xã hội học – để bạn có thể tự mình nhận ra dòng nước của những định kiến vô hình mà tất cả chúng ta đang bơi trong đó. Mong rằng sau khi gấp lại những trang sách này, bạn sẽ hiểu rằng chủng tộc là một cấu trúc do con người tạo ra, và quan trọng hơn, cảm nhận được sức mạnh của việc *unlearn* để tháo gỡ những xiềng xích tư tưởng và để cùng nhau xây dựng một thế giới thực sự công bằng, nơi giá trị của một người được quyết định bởi phẩm chất nhân cách, chứ không phải bởi một nhãn dán hư cấu.

Rất Đỗi Tự Hào.

Không có cơ sở khoa học nào cho khái niệm chủng tộc, đó là một nhãn dán do con người tạo ra

Khái niệm ấy đã được sử dụng để phân loại và chia rẽ con người suốt hàng thiên niên kỷ[1]. Nhưng trên phương diện di truyền học, "chủng tộc" hoàn toàn không có cơ sở.

Dịch từ bài viết của *National Geographic*

Tác giả: Elizabeth Kolbert là biên tập viên của tờ *New Yorker* từ năm 1999. Cuốn sách gần đây nhất của bà là The Sixth Extinction: An Unnatural History (bản tiếng Việt là *Đợt tuyệt chủng thứ sáu*) **[Lời biên tập: Truy cập eBook bản tiếng Việt miễn phí tại đây].**

Ảnh: Robin Hammond là người đã chụp ảnh những đứa trẻ chín tuổi trên khắp thế giới và hỏi chúng về giới cho số báo tháng 1 năm 2017 của tờ *Geographic* về chủ đề này.

[1] Có lẽ là một nhầm lẫn của tác giả. Khái niệm chủng tộc được tạo ra từ giữa thế kỷ 17, như sẽ trình bày trong những phần sau của tập sách.

Bốn chữ cái của mã di truyền – A, C, G và T – được chiếu lên cơ thể Ryan Lingarmillar, một người Uganda. DNA đã tiết lộ thứ mà màu da che khuất: Tất cả chúng ta đều có tổ tiên là người châu Phi.

Vào thời nửa đầu thế kỷ 19, một trong những nhân vật có ảnh hưởng nhất giới khoa học Hoa Kỳ là bác sĩ Samuel Morton. Morton sống ở Philadelphia và ông thu thập sọ người.

Ông ta không kén chọn nguồn cung cấp. Morton nhận cả sọ lượm từ chiến trường lẫn sọ bị lấy trộm từ hầm mộ. Một trong những hộp sọ nổi tiếng nhất của ông thuộc về một người Ireland từng bị lưu đày sang Tasmania với tư cách là tù nhân (và cuối cùng bị treo cổ vì đã giết và ăn thịt bạn tù). Với mỗi hộp sọ, Morton đều thực hiện quy trình giống nhau: ông nhồi hạt tiêu vào hộp sọ (sau này chuyển sang dùng viên chì) rồi đổ ra để đo thể tích khoang não.

Morton tin rằng loài người có thể được chia thành năm chủng tộc riêng biệt, và rằng mỗi chủng tộc là kết quả của một lần sáng tạo độc lập. Ông cho rằng các chủng tộc này có đặc điểm riêng biệt tương ứng với vị trí của nó trong một trật tự phân cấp do

Thượng đế định sẵn. Lĩnh vực "đo lường sọ học" của Morton được ông dùng để chứng minh rằng người da trắng, hay "người Caucasian", là thông minh nhất trong các chủng tộc. Người Đông Á – Morton gọi là "người Mongolian" – tuy "thông minh" và "có khả năng được khai hóa", nhưng vẫn thấp hơn một bậc. Tiếp theo là người Đông Nam Á, sau đó là người bản địa châu Mỹ. Người da đen, hay "người Ethiopian", bị xếp ở đáy. Trong những thập kỷ trước Nội chiến Hoa Kỳ, các ý tưởng của Morton nhanh chóng được những kẻ ủng hộ chế độ nô lệ đón nhận.

Hộp sọ từ bộ sưu tập của Samuel Morton, cha đẻ của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc khoa học, minh họa cho việc ông phân loại con người thành năm chủng tộc mà theo ông, xuất hiện từ những hành động sáng tạo riêng biệt. Từ trái sang phải: một phụ nữ da đen và một người đàn ông da trắng, cả hai đều là người Mỹ; một người đàn ông bản địa đến từ Mexico; một phụ nữ Trung Quốc; và một người đàn ông Malaysia.

Ảnh của Robert Clark - Được chụp tại Bảo tàng Penn.

"Ông ta có sức ảnh hưởng lớn, đặc biệt là ở miền Nam" – nhà nhân chủng học tại Đại học Pennsylvania tên là Paul Wolff Mitchell, người đang giới thiệu bộ sưu tập sọ được trưng bày tại Bảo tàng Penn nói với tôi. Chúng tôi đang đứng trước hộp sọ của một người Hà Lan có đầu đặc biệt to, từng được Morton dùng để

nâng cao chỉ số năng lực của người da trắng. Khi Morton qua đời năm 1851, tờ *Charleston Medical Journal* ở South Carolina đã ca ngợi ông vì "đã xác lập đúng vị trí của người da đen: một chủng tộc thấp kém."

Ngày nay, Morton được coi là cha đẻ của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc khoa học. Rất nhiều những sự hãi hùng xảy ra trong hàng thế kỷ trước có thể truy ngược về nguồn gốc từ ý tưởng rằng có một chủng tộc thấp kém hơn chủng tộc khác; chính vì vậy, việc tham quan bộ sưu tập của ông ta là một trải nghiệm gây ám ảnh. Thật khó chịu khi chúng ta vẫn đang sống trong cái di sản mà Morton để lại: những sự phân biệt về mặt chủng tộc vẫn đang định hình chính trị, phân bố dân cư, và cả cách chúng ta hiểu về bản thân.

Thực trạng vẫn là như vậy, bất chấp việc khoa học hiện đại đã chỉ ra rằng sự thật về chủng tộc là hoàn toàn ngược lại so với những gì Morton từng khẳng định.

Morton tin rằng ông ta đã xác định được những khác biệt bẩm sinh và bất biến giữa các nhóm người, nhưng vào thời điểm đó (ngay trước khi Charles Darwin đưa ra thuyết tiến hóa và rất lâu trước khi DNA được phát hiện ra), các nhà khoa học không hề biết các đặc điểm được di truyền như thế nào. Khi nghiên cứu ở cấp độ di truyền, các nhà khoa học hiện đại đều chỉ ra rằng khái niệm chủng tộc là một sự ngộ nhận. Khi họ bắt đầu xây dựng bản đồ gene người hoàn chỉnh đầu tiên - một bản tổng hợp từ nhiều cá nhân - họ đã cố tình thu thập mẫu từ những người tự nhận thuộc các chủng tộc khác nhau. Vào tháng 6 năm 2000, trong buổi công bố kết quả tại Nhà Trắng, một trong những người tiên

phong trong giải mã gene là Craig Venter đã phát biểu: “Khái niệm chủng tộc không có cơ sở về mặt di truyền hay khoa học”.

Trong vài thập niên qua, nghiên cứu gene đã làm sáng tỏ hai sự thật sâu sắc về loài người. Thứ nhất, tất cả con người đều có quan hệ rất gần gũi với nhau – thậm chí còn gần gũi với nhau hơn cả trong loài tinh tinh, dù số lượng người hiện nay đông hơn tinh tinh rất nhiều. Tất cả mọi người đều có cùng một tập hợp gene, và trừ trường hợp song sinh giống hệt nhau, thì mỗi người đều mang một vài biến thể có chút khác biệt của một số gene nhất định. Việc phân tích sự đa dạng di truyền ấy đã cho phép các nhà khoa học dựng lại một thứ kiểu như cây phả hệ của các quần thể người. Điều đó dẫn đến sự thật sâu sắc thứ hai: Thực tế mà nói, tất cả những người đang sống ngày nay đều là người châu Phi.

Loài của chúng ta, *Homo sapiens*, đã tiến hóa ở châu Phi. Không ai chắc chắn về thời gian hay địa điểm chính xác. Hóa thạch được phát hiện mới nhất ở Morocco cho thấy những đặc điểm giải phẫu của loài người hiện đại bắt đầu xuất hiện từ khoảng 300.000 năm trước. Trong khoảng 200.000 năm tiếp theo, chúng ta vẫn sống tại châu Phi, nhưng ngay trong thời kỳ đó, các nhóm người đã bắt đầu di chuyển tới những khu vực khác nhau trong lục địa và dần bị cô lập với nhau, hình thành những quần thể mới.

Hồ sơ DNA của hai cá thể này giống nhau gần 99%.

Dĩ nhiên, các gene giữa bất kỳ hai cá thể người nào còn giống nhau hơn như thế nữa. Nhưng sau khi tổ tiên tiền-loài-người mất đi phần lớn lông trên cơ thể, chúng ta đã tiến hóa với những khác biệt rõ rệt về màu da. Chỉ những biến đổi nhỏ trong DNA là đủ để tạo ra sự khác biệt ấy. Sắc tố da sẫm màu giúp tổ tiên chúng ta thích nghi với ánh nắng gay gắt ở châu Phi; khi con người di cư ra khỏi châu Phi đến các vùng có ít ánh sáng mặt trời hơn, làn da sáng màu dần trở nên có lợi hơn.

Cary Wolinsky, National Geographic Creative (ảnh tinh tinh); Robin Hammond (ảnh em bé)

DÒNG CHẢY LỊCH SỬ CỦA LÀN DA SẪM MÀU VÀ SÁNG MÀU

Nhiều gen ảnh hưởng đến cách melanin tạo nên màu da ở người. Các gen này xuất hiện trước cả loài người; một số xuất hiện ở chuột và cá. Biến thể của bốn gen trong số đó (những đột biến đảo ngược một gen từ sẫm màu sang sáng màu hoặc ngược lại) giải thích phần lớn sự đa dạng màu da ở châu Phi. Khi tổ tiên chúng ta di cư khắp Trái Đất, các đột biến khác nhau tỏ ra có lợi ở các vĩ độ khác nhau và được truyền lại cho thế hệ sau.

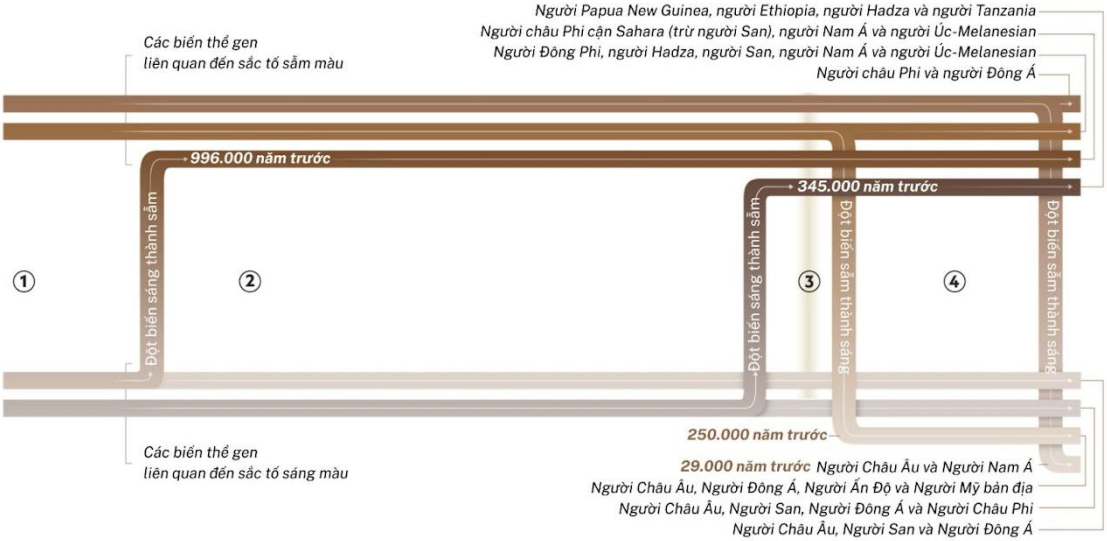

1 Đột biến gene
Gen đột biến ngẫu nhiên theo thời gian. Các đột biến có lợi có xu hướng được truyền lại cho con cháu và lan rộng trong quần thể.

2 Phản ứng với ánh nắng
Làn da sẫm màu được ưa chuộng ở vùng nhiệt đới vì nó bảo vệ mô khỏi tia UV nguy hiểm. Ở những vùng ít nắng, làn da sáng màu hơn cho phép cơ thể hấp thụ đủ tia UV để tổng hợp vitamin D, cần thiết cho xương và hệ miễn dịch khỏe mạnh.

3 ~300.000 năm trước
Các đặc điểm giải phẫu của loài người hiện đại xuất hiện ở Châu Phi.

4 Da sáng màu có rất nhiều nguồn gốc
Một đột biến gen quan trọng thúc đẩy làn da sáng hơn là SLC24A5 đã xảy ra cách đây 29.000 năm ở châu Á và sau đó lan sang châu Âu. Tuy nhiên, châu Phi là nguồn gốc của các biến thể gen khác góp phần tạo nên làn da sáng hơn ở các quần thể trên khắp thế giới (DDB1, MFSD12 và HERC2).

Jason Treat và Ryan T. Williams, Nhân viên NGM
Nguồn: Sarah Tishkoff, Đại học Pennsylvania

Ở con người, hay như mọi loài sinh vật khác, các biến đổi di truyền là kết quả của những đột biến ngẫu nhiên – những biến đổi nhỏ trong DNA, mã di truyền của sự sống. Đột biến xảy ra với tốc độ tương đối ổn định, nên khi một nhóm người càng tồn tại lâu và truyền lại gene từ thế hệ này đến thế hệ khác, thì những biến đổi trong bộ gene của họ càng tích tụ nhiều. Đồng thời, hai nhóm người bị tách biệt càng lâu, thì càng tích lũy những biến thể gene khác biệt với nhau.

Thông qua việc phân tích gene của người châu Phi hiện nay, các nhà nghiên cứu đã kết luận rằng: người Khoe-San hiện sống ở miền nam châu Phi là một trong những nhánh cổ xưa nhất trong cây phả hệ loài người. Người Pygmy ở Trung Phi cũng có một lịch sử rất lâu dài, tồn tại thành một nhóm biệt lập. Điều đó có nghĩa là những nhánh chia tách sâu nhất trong gia phả loài người không nằm giữa các nhóm thường được cho là các chủng tộc khác nhau – chẳng hạn người da trắng, da đen, người châu Á hay người bản địa châu Mỹ – mà là giữa các nhóm dân cư ở châu Phi, như người Khoe-San và người Pygmy, những nhóm đã sống tách biệt nhau hàng chục nghìn năm ngay từ trước cả khi con người rời khỏi châu Phi.

Tất cả những người không phải người châu Phi ngày nay, theo dữ liệu di truyền, đều là hậu duệ của một nhóm người nhỏ chỉ có vài nghìn cá thể đã rời châu Phi vào khoảng 60.000 năm trước. Những người di cư này có quan hệ gần nhất với các nhóm hiện nay sống ở Đông Phi, bao gồm tộc Hadza ở Tanzania. Vì họ chỉ đại diện cho một phần rất nhỏ của dân số châu Phi khi ấy, nên nhóm người rời đi chỉ mang theo một phần nhỏ của sự đa dạng di truyền khổng lồ của châu Phi.

Trên hành trình của mình, có thể là ở khu vực Trung Đông, những người du hành đã gặp và giao phối với một loài người khác là người Neanderthal; và khi tiến xa hơn về phía đông, họ lại gặp một loài người nữa là người Denisovan. Người ta cho rằng cả hai loài này đều tiến hóa ở Âu-Á từ một tổ tiên Tông Người[2] đã rời châu Phi từ sớm hơn nhiều. Một số nhà khoa học cũng cho rằng cuộc di cư cách đây 60.000 năm chỉ là làn sóng thứ hai của người hiện đại rời khỏi châu Phi. Nếu đúng như vậy, căn cứ vào hệ gene của chúng ta hiện nay, làn sóng thứ hai ấy đã hoàn toàn áp đảo làn sóng đầu tiên.

Con cháu của những người di cư này đã tỏa ra khắp thế giới một cách tương đối nhanh. Vào khoảng 50.000 năm trước, họ đến Úc. 45.000 năm trước, họ định cư ở Siberia. Và 15.000 năm trước, họ đặt chân đến Nam Mỹ. Khi di chuyển đến các vùng khác nhau trên thế giới, họ hình thành các nhóm dân cư mới, bị cô lập về mặt địa lý với nhau, và trong quá trình đó, mỗi nhóm đã tích lũy một tập hợp biến thể di truyền riêng biệt.

Phần lớn các biến thể này không mang lợi hay hại gì rõ rệt. Nhưng đôi khi, một đột biến phát sinh lại mang tính thích nghi có lợi trong môi trường mới. Dưới áp lực chọn lọc tự nhiên, đột biến đó nhanh chóng lan rộng trong quần thể địa phương. Ví dụ, ở các vùng cao nguyên nơi có nồng độ oxy thấp, những người di cư đến cao nguyên Ethiopia, Tây Tạng hay Altiplano (Nam Mỹ) sẽ có lợi thế nếu sở hữu những đột biến giúp họ thích nghi với không khí loãng. Tương tự, người Inuit với chế độ ăn nhiều axit

[2] Tông Người (Hominini) là một tông trong Phân họ Người (Homininae) bao gồm các loài người (chi Homo), tinh tinh (chi Pan) cùng các tổ tiên đã tuyệt chủng của chúng.

béo từ sinh vật biển cũng có những biến thể gene giúp họ thích nghi với khẩu phần đặc biệt ấy.

Đôi khi người ta có thể xác định rõ rằng một đột biến nào đó đã được chọn lọc tự nhiên ưu ái, nhưng lại không rõ vì sao. Đó là trường hợp của một biến thể gene có tên *EDAR* (phát âm là i-đa). Hầu hết những người có tổ tiên Đông Á hoặc bản địa châu Mỹ đều có ít nhất một bản sao của biến thể này, gọi là *370A*, và nhiều người có tới hai bản sao. Tuy nhiên, biến thể này lại hiếm thấy ở người có tổ tiên châu Phi hoặc châu Âu.

Những người săn bắt hái lượm Hadza ở Tanzania, chẳng hạn như Ondoshi Stephano, là một trong những họ hàng còn sống gần nhất của những người đầu tiên rời khỏi châu Phi.

Tại Trường Y Perelman thuộc Đại học Pennsylvania, nhà di truyền học Yana Kamberov đã cấy biến thể *EDAR* của người Đông Á vào chuột nhằm tìm hiểu chức năng của nó. “Dễ thương nhỉ?”, bà vừa nói vừa mở lồng chuột cho tôi xem. Đám chuột trông bình thường, bộ lông nâu mượt, đôi mắt đen sáng bóng. Nhưng dưới kính hiển vi, chúng khác biệt so với những con chuột dễ thương cùng loài ở những điểm tinh vi mà đáng kể. Sợi lông của chúng dày hơn; tuyến mồ hôi nhiều hơn; và các lớp mỡ quanh tuyến vú nhỏ hơn.

Những con chuột của Kamberov giúp giải thích vì sao một số người Đông Á và bản địa châu Mỹ có tóc dày hơn và tuyến mồ hôi nhiều hơn. (Tác động của *EDAR* lên tuyến vú ở người vẫn chưa rõ ràng). Nhưng chúng không giải thích được nguyên nhân tiến hóa của biến thể này. Kamberov suy đoán rằng có thể tổ tiên của người Đông Á hiện nay đã từng gặp điều kiện khí hậu khiến việc có nhiều tuyến mồ hôi trở nên có lợi. Có lẽ tóc dày giúp họ chống lại ký sinh trùng. Cũng có thể biến thể *370A* đem lại những lợi ích khác mà bà chưa phát hiện ra và những thay đổi mà bà quan sát được chỉ là các hiện tượng đi kèm. Di truyền học thường hoạt động theo cách như vậy: một biến đổi nhỏ có thể kéo theo nhiều tác động đa dạng. Chỉ một trong số đó có thể thật sự hữu ích, và nó vẫn tiếp tục tồn tại lâu sau khi điều kiện khiến nó hữu ích đã không còn, giống như việc các gia đình giữ lại những tấm ảnh cũ dù chẳng còn ai nhớ người trong ảnh là ai.

“Trừ khi bạn có cỗ máy thời gian, còn không thì chẳng ai biết được”, Kamberov thở dài.

CHÂU PHI ĐA DẠNG HƠN TẤT CẢ CÁC LỤC ĐỊA KHÁC CỘNG LẠI. Đó là bởi vì con người hiện đại có nguồn gốc từ Châu Phi và đã sống ở đó lâu nhất. Họ đã có thời gian để tiến hóa nên một sự đa dạng di truyền to lớn, bao gồm màu da. Các nhà nghiên cứu khi nghiên cứu về màu da đôi khi sử dụng sự đa dạng ngôn ngữ của Châu Phi làm kim chỉ nam, nơi đây có hơn 2.000 ngôn ngữ (xem bản đồ bên dưới). Nhiếp ảnh gia Robin Hammond đã đi theo sự dẫn dắt của họ để đến thăm năm cộng đồng ngôn ngữ tiêu biểu. Chân dung của ông trải dài phổ màu từ Neilton Vaalbooi (phía trên bên trái trong ảnh ở trên), một cậu bé Khoe-San đến từ Nam Phi, đến Akatorot Yelle (phía dưới bên phải), một cô gái Turkana đến từ Kenya. "Không có chủng tộc châu Phi đồng nhất nào cả", nhà di truyền học Sarah Tishkoff của Đại học Pennsylvania cho biết. "Nó không tồn tại". Những người tiền sử đã rời khỏi Châu Phi khoảng 60.000 năm trước, theo thời gian đã tạo ra các dân tộc khác trên thế giới, chỉ phản ánh một phần nhỏ sự đa dạng của Châu Phi.

1. Neilton Vaalbooi (N), 2. Petrus Vaalbooi (N), 3. Khadar Abdullahi (S), 4. Sadam Abdirisak (S), 5. Askania Saidi (H), 6. Mohamed Ali (S), 7. Helena Hamisi (H), 8. Kooli Naperit (T), 9. David Vaalbooi (N), 10. Sisipho Menze (X), 11. Ayub Abdullahi (S), 12. Bianca Springbok (N), 13. Xolani Mantyi (X), 14. Makaranga Pandisha (H), 15. Erinyok Eyen (T), 16. Isaac Adams (N), 17. Chahida van Neel (N), 18. Griet Seekoei (N), 19.

Siphelo Mzondo (X), 20. Piega Mukoa (H), 21. Zacharia Sanga (H), 22. Tulisa Ngxukuma (X), 23. Johanna Koper (N), 24. Abdhllahi Mohamed (S), 25. Monwabisi Makoma (X), 26. Gelmesa Robe (S), 27. Palanjo Kaunda (H), 28. Abdhllahi Said (S), 29. Ejore Elipan Abong (T), 30. Akatorot Yelle (T)

DNA thường được ví như một văn bản, và trong văn bản đó mỗi chữ cái tương ứng với một base hóa học – *A* là adenine, *C* là cytosine, *G* là guanine và *T* là thymine. Bộ gene người bao gồm 3 tỷ cặp base – từng trang một của các chữ cái *A*, *C*, *G* và *T* – được chia thành khoảng 20.000 gene. Biến đổi khiến người Đông Á có tóc dày hơn chính là một sự thay đổi đơn lẻ của một base trong một gene, từ *T* thành *C*.

Tương tự, đột biến chịu trách nhiệm chính cho việc người châu Âu có làn da sáng màu hơn cũng là một chỉnh sửa nhỏ duy nhất trong một gene có tên *SLC24A5*, bao gồm khoảng 20.000 cặp base. Ở một vị trí nhất định, nơi hầu hết người châu Phi hạ Sahara mang base *G*, thì người châu Âu lại mang base *A*. Khoảng một thập kỷ trước, một nhà bệnh học kiêm di truyền học là Keith Cheng, công tác tại Trường Y Đại học Bang Pennsylvania (Penn State College of Medicine), đã phát hiện ra đột biến này khi nghiên cứu loài cá ngựa vằn được lai tạo để có sọc sáng hơn. Hóa ra, loài cá này mang một đột biến trong gene tạo sắc tố, tương tự với gene bị đột biến ở người châu Âu.

Khi nghiên cứu DNA được chiết xuất từ xương người cổ, các nhà cổ-di truyền học phát hiện rằng sự thay thế từ *G* sang *A* được du nhập vào Tây Âu tương đối muộn, vào khoảng 8.000 năm trước bởi những nhóm người di cư từ Trung Đông, mang theo một công nghệ hoàn toàn mới: nông nghiệp. Điều đó có nghĩa là những người đã sống ở châu Âu trước đó – những người săn bắt

hái lượm từng vẽ các bức tranh hang động kỳ vĩ ở Lascaux chẳng hạn – có lẽ không phải người da trắng mà là người da nâu. Dữ liệu DNA cổ cũng cho thấy nhiều người châu Âu da sẫm thời ấy có mắt xanh, một tổ hợp hiếm thấy ở thời hiện đại.

MỘT HÀNH TRÌNH HÌNH THÀNH

Khi con người di cư khỏi Châu Phi - theo hai đợt, một số nhà khoa học cho biết - họ đã thích nghi với môi trường mới theo nhiều cách. Màu da chỉ là một ví dụ; ví dụ, những người sống ở vùng cao đã thích nghi với việc hít thở không khí thiếu oxy.

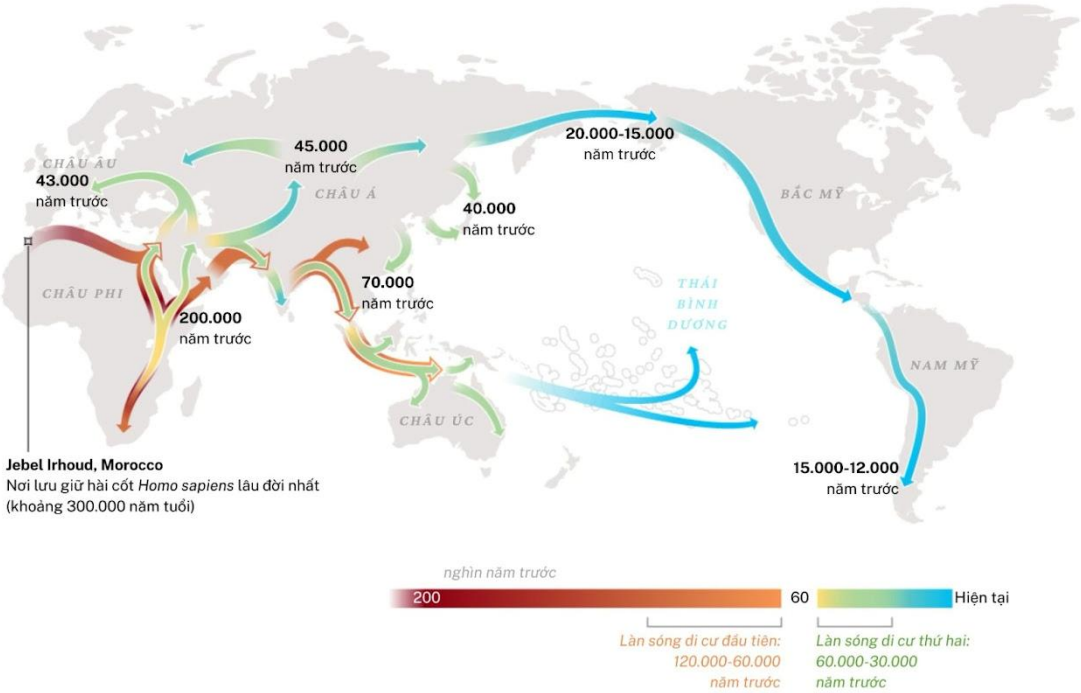

Jason Treat và Ryan T. Williams, nhân viên NGM
Nguồn: Christopher Bae và những người khác, Science, 2017

"Những gì di truyền học cho thấy là sự pha trộn và dịch chuyển đã diễn ra hết lần này đến lần khác, và rằng các hình dung của chúng ta về "cấu trúc chủng tộc" trong quá khứ gần như luôn sai lầm", David Reich, một nhà cổ-di truyền học tại Đại học Harvard mới xuất bản cuốn sách về chủ đề này có tên Who We Are and How We Got Here (tạm dịch là *Chúng Ta Là Ai và Vì Sao Chúng Ta Có Mặt Ở Đây*), cho biết. Reich giải thích rằng không có đặc điểm sinh học cố định nào gắn liền vĩnh viễn với một khu vực địa lý nhất định, bởi vì dù sự cô lập có tạo nên những khác biệt giữa các nhóm dân cư, thì việc di cư và pha trộn thường xuyên làm mờ đi hoặc xóa sạch những khác biệt ấy.

Trên khắp thế giới hiện nay, màu da con người rất đa dạng. Phần lớn sự khác biệt này liên quan đến vĩ độ. Gần xích đạo có ánh nắng mặt trời mạnh thì làn da sẫm màu là tấm khiên hiệu quả chống lại bức xạ tử ngoại; còn gần hai cực có ánh nắng yếu thì làn da sáng giúp thúc đẩy sản sinh vitamin D. Nhiều gene phối hợp với nhau để quy định màu da, và các nhóm người khác nhau có thể mang hàng loạt tổ hợp biến thể khác nhau. Ngay trong châu Phi, có những dân tộc, như dân tộc Mursi ở Ethiopia, có làn da gần như màu mun, trong khi những nhóm khác như người Khoe-San lại có làn da màu đồng đỏ. Nhiều người Đông Phi da sẫm lại mang biến thể gene da sáng *SLC24A5*, điều này khiến các nhà nghiên cứu bất ngờ. (Có vẻ biến thể này, cũng giống như ở châu Âu, đã được nhập vào châu Phi từ Trung Đông). Trong khi đó, người Đông Á nhìn chung có làn da sáng, nhưng lại mang phiên bản sẫm màu của gene ấy. Cheng đang nghiên cứu trên loài cá ngựa vằn để tìm lời giải đáp. "Chuyện này không đơn giản chút nào", anh nói.

Khi nói về chủng tộc, người ta thường nhắc đến màu da, nhưng đồng thời cũng ngầm chỉ đến điều gì đó vượt qua cả màu da. Đây là di sản của những nhân vật như Morton, người đã sáng tạo ra cái gọi là "khoa học" về chủng tộc nhằm phục vụ cho định kiến của bản thân ông ta và hoàn toàn hiểu sai về khoa học thực sự. Ngày nay, khoa học nói với chúng ta rằng các khác biệt có thể thấy giữa con người là ngẫu nhiên lịch sử. Chúng chỉ phản ánh cách tổ tiên của chúng ta thích nghi với ánh nắng mặt trời, và không nhiều hơn thế.

Một nhà nhân chủng học phân tử tại Đại học Cincinnati chuyên nghiên cứu về sắc tố là Heather Norton nhận xét: "Chúng ta thường có suy nghĩ rằng nếu tôi biết màu da của bạn, thì tôi sẽ biết luôn cả X, Y, Z về bạn. Thế nên tôi nghĩ sẽ rất có tác động nếu giải thích cho người ta rằng tất cả những khác biệt ta thấy ấy, thật ra chỉ vì tôi có một chữ *A* trong bộ gene, còn cô ấy thì có một chữ *G*.

Ngay cả ngày nay, người Neanderthal vẫn hiện diện trong hầu hết chúng ta.

Tại Düsseldorf, Đức, một tác phẩm điêu khắc từ Bảo tàng Neanderthal gần đó đã thu hút sự tò mò và thu hút sự chú ý của người qua đường. Một số người đầu tiên rời khỏi châu Phi đã gặp gỡ và quan hệ tình dục với người Neanderthal. Kết quả là, tất cả những người không phải gốc Phi ngày nay đều mang trong mình một lượng nhỏ DNA của người Neanderthal. Những gen này có thể giúp tăng cường hệ miễn dịch và nồng độ vitamin D, nhưng cũng đồng thời làm tăng nguy cơ mắc bệnh tâm thần phân liệt và mỡ bụng dư thừa.

Tái tạo bởi Kennis & Kennis. Chụp ảnh với sự hỗ trợ của Bảo tàng Neanderthal, Đức.

Cách bộ sưu tập sọ của Morton khoảng một tiếng lái xe, tại Đại học West Chester, Anita Foeman điều phối Dự án Thảo luận về DNA (DNA Discussion Project). Vào một buổi sáng mùa thu nắng đẹp, bà đang nói chuyện với nhóm sinh viên mới tham gia

dự án – khoảng một chục bạn trẻ đủ màu da, mỗi người đang chăm chú nhìn vào màn hình laptop. Vài tuần trước đó, các sinh viên đã điền vào bảng khảo sát về nguồn gốc tổ tiên của mình. Họ nghĩ rằng họ có nguồn gốc là gì? Sau đó, họ gửi mẫu nước bọt để phân tích gene. Và giờ đây, họ đang xem kết quả trong máy tính. Nét mặt của họ bộc lộ cảm xúc rõ rệt.

Một sinh viên nữ có gia đình đã sống ở Ấn Độ xa xưa đến mức chẳng ai còn nhớ từ thời điểm nào, bàng hoàng phát hiện rằng mình có tổ tiên gốc Ireland. Một sinh viên nữ khác, từ nhỏ đã tin rằng mình có một người ông hoặc bà là người bản địa châu Mỹ, thất vọng vì phát hiện ra không phải vậy. Một bạn thứ ba thì mô tả bản thân là "bối rối", cô nói: "Tôi tưởng sẽ có nhiều gene Trung Đông hơn chứ".

Giáo sư ngành truyền thông là Foeman đã quen với những phản ứng như vậy. Bà khởi động Dự án Thảo luận DNA từ năm 2006, vì bà quan tâm đến các câu chuyện, cả loại do gia đình kể lại lẫn loại mà gene kể ra. Ngay từ giai đoạn đầu, điều rõ ràng là hai loại câu chuyện này thường không trùng khớp. Một nam sinh tự nhận là người lai đã rất tức giận khi phát hiện rằng gần như toàn bộ tổ tiên của mình đều là người châu Âu. Một số sinh viên khác lớn lên trong các gia đình theo đạo Thiên Chúa đã ngạc nhiên khi biết rằng một phần tổ tiên của họ là người Do Thái.

"Tất cả những câu chuyện bị chôn vùi đều được khai quật qua gene", Foeman nói. Bản thân Foeman, người tự nhận là người Mỹ gốc Phi, cũng bị bất ngờ với kết quả của mình. Một phần tổ tiên của bà đến từ Ghana, một phần khác đến từ Scandinavia.

Bà giải thích, “Tôi lớn lên vào thập niên 1960, thời mà làn da sáng là thứ rất được coi trọng. Tôi luôn nghĩ mình có nước da khá nâu. Nên tôi rất bất ngờ khi phát hiện một phần tư dòng máu của tôi là châu Âu.”

“Điều đó thật sự khiến tôi nhận ra rằng: chúng ta đã bịa ra khái niệm chủng tộc.”

Tất nhiên, việc chủng tộc là “thứ con người tạo ra” không khiến nó kém phần quyền lực. Trên thực tế, nó vẫn định hình sâu sắc cách người ta nhìn nhận nhau, cơ hội mà mỗi người có, và cả những trải nghiệm họ phải trải qua trong cuộc sống. Khái niệm chủng tộc vẫn được ghi khắc trong điều tra dân số Mỹ, lần gần nhất là năm 2010, khi mà người dân phải chọn chủng tộc của mình từ một danh sách phản ánh đúng lịch sử mang tính kiến tạo của khái niệm này; khi mà các lựa chọn bao gồm “Da trắng”, “Da đen”, “Thổ dân châu Mỹ”, “Ấn Độ châu Á”, “Trung Quốc”, “Nhật Bản”, và “Samoa”. Phân biệt chủng tộc từng được viết thành luật trong kỷ nguyên Jim Crow hậu Nội chiến và hiện vẫn được viết trong các đạo luật như Đạo luật Dân quyền, cấm phân biệt đối xử dựa trên chủng tộc hoặc màu da. Với những nạn nhân của phân biệt chủng tộc, thì việc nói rằng chủng tộc không có cơ sở khoa học thật sự chẳng phải niềm an ủi.

Việc giải mã gene cho phép các nhà khoa học lần theo hành trình di cư của loài người, và ngày nay cho phép cả từng cá nhân truy vết tổ tiên của chính mình, đã mở ra những cách hiểu mới về sự đa dạng của loài người. Ít nhất đó là điều mà Foeman hy vọng. Dự án Thảo luận DNA giúp người tham gia có cái nhìn mới về nguồn gốc của bản thân, vốn thường phức tạp hơn những gì

họ từng được bảo và từng tin. Từ đó, nó mở ra những cuộc trò chuyện về lịch sử lâu dài, rối rắm và thường đầy bạo lực mà tất cả chúng ta đều cùng chia sẻ.

Foeman nói, “Chủng tộc là một cấu trúc hệ do con người tạo ra, nhưng không có nghĩa là chúng ta không có sự khác biệt hay không tồn tại những nhóm người. Nhưng nếu chúng ta đã tự tạo ra các danh mục chủng tộc, thì có lẽ chúng ta cũng có thể tạo ra những hệ phân loại mới mà hoạt động tốt hơn”.

Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc khoa học

Dịch từ bài viết của *Bách khoa toàn thư Britannica*

Tác giả: Audrey Smedley là một Giáo sư Nhân học, Đại học Virginia Commonwealth, là tác giả cuốn Race in North America: Origin and Evolution of a Worldview (tạm dịch là *Chủng tộc ở Bắc Mỹ: Nguồn gốc và sự phát triển của một thế giới quan*).

Được kiểm định bởi Ban Biên tập Bách khoa toàn thư Britannica.

Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc khoa học là tập hợp các giả thuyết bị bóp méo hoặc ngụy khoa học nhằm lý giải và biện minh cho sự thống trị thuộc địa của châu Âu, đặc biệt là từ thế kỷ 17 đến đầu thế kỷ 20. Những người ủng hộ chủ nghĩa phân biệt chủng tộc khoa học cho rằng các chủng tộc - hay còn được coi là những nhóm người đa dạng, được kiến tạo xã hội dựa trên những đặc điểm hình thái nhất định - là những thực thể sinh học bất biến. Họ sử dụng nhiều hệ thống phân loại khác nhau để phân chia các chủng tộc, thường tổ chức chúng theo trật tự phân cấp mà trong đó người gốc Âu được đặt ở vị trí cao nhất. Các nghiên cứu nhân học và di truyền học trong thế kỷ 20 đã bác bỏ nhiều tuyên bố cốt lõi của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc khoa học.

Những giả định sai lệch của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc khoa học

Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc khoa học đặt nền tảng trên giả định sai lầm rằng loài người có thể được chia thành những nhóm biệt lập dựa trên khác biệt mang tính di truyền trong các yếu tố thể chất và hành vi. Bởi lĩnh vực này được tiếp cận từ tiên đề trung tâm ấy, nó không (và không thể) tìm ra bất kỳ bằng chứng nào mâu thuẫn với sự tồn tại của khái niệm chủng tộc theo cách được hiểu. Vậy nên, mặc dù chủ nghĩa phân biệt chủng tộc khoa học đưa ra mô tả về các "chủng tộc" khác nhau tùy theo mỗi học giả (phần lớn những học giả này là nam giới, mỗi người lại dùng hệ phân loại ưa thích của riêng mình), những mô tả này về các chủng tộc không thể được dùng để chứng minh tiên đề nền tảng là hợp lý, rằng những nhóm này thực sự tồn tại tuân theo định nghĩa. Các nhà khoa học chủng tộc cũng giả định rằng những đặc điểm mà họ nghiên cứu, chẳng hạn như hình dạng khuôn

mặt hay thể tích sọ, hoàn toàn do di truyền quyết định, chứ không chịu ảnh hưởng từ môi trường.

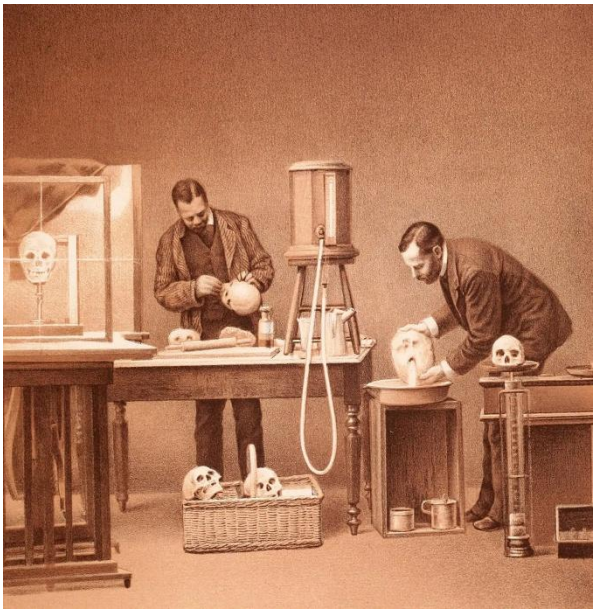

Đo lường chủng tộc

Các nhà khoa học thế kỷ 18 và 19 đã tìm cách đo lường và phân loại các chủng tộc khác nhau. Việc đo hộp sọ đặc biệt quan trọng trong hệ thống phân chia phân cấp các nhóm người mà hiện nay đã bị bác bỏ.

Trong chủ nghĩa phân biệt chủng tộc khoa học, việc sử dụng các số đo định lượng thể hiện rõ xu hướng nhìn nhận loài người có thể được phân chia dựa theo yếu tố sinh học. Việc đo đạc cơ thể con người, đặc biệt là phần đầu và xương sọ, thoạt nhìn có vẻ khách quan và mang tính khoa học, nhưng thực chất lại củng cố cho tư duy kiểu hình[3] về sự khác biệt giữa các nhóm người. Từ kho dữ liệu định lượng khổng lồ, các chuyên gia tính toán trị số

[3] Tư duy kiểu hình (typological thinking): Thịnh hành trước thời Darwin, cho rằng mỗi loài đều có một kiểu hình lý tưởng cố định, với sự biến dị được coi là thứ yếu, không quan trọng, hoặc bất thường. Mặt khác, tư duy quần thể (population thinking) nhấn mạnh tầm quan trọng của sự biến dị trong một loài, thừa nhận rằng mỗi cá thể là duy nhất và sự tiến hóa diễn ra thông qua những thay đổi về đặc điểm của quần thể theo thời gian.

trung bình, trung vị và độ lệch chuẩn để xây dựng hồ sơ thống kê cho từng nhóm chủng tộc. Những hồ sơ này được cho là đại diện cho các đặc trưng điển hình của mỗi chủng tộc, được diễn đạt bằng ngôn ngữ khoa học tưởng như không thể chối cãi. Khi so sánh hồ sơ, người ta tin rằng có thể định lượng mức độ khác biệt chủng tộc giữa các nhóm.

Cách tiếp cận của các nhà phân loại học mang theo nhiều giả định sai lầm về đặc điểm thể chất của các chủng tộc. Một trong số đó là ý tưởng cho rằng trị số trung bình có thể đại diện chính xác cho một dân số khổng lồ, trong khi chính việc tính trung bình đã xoá mờ sự đa dạng bên trong nhóm đó. Việc dựa vào trị số trung bình cho phép các học giả mô tả các nhóm một cách tách biệt, trong khi trên thực tế, sự đa dạng nội tại của từng nhóm còn lớn hơn cả sự khác biệt giữa các nhóm với nhau. Một sai lầm khác là giả định rằng các đặc điểm chủng tộc không thay đổi qua các thế hệ, tức là các chỉ số trung bình như chiều cao cơ thể sẽ giữ nguyên bất chấp tác động từ các yếu tố ngoại sinh, điều đã bị chứng minh là sai bởi các học giả thế kỷ 20.

Chủng tộc và khoa học thời kỳ đầu

Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc khoa học trỗi dậy vào thời kỳ then chốt trong lịch sử châu Âu và các nền văn hoá thực dân châu Âu. Khái niệm chủng tộc dần được chú ý khi giới tinh hoa chính trị và trí thức tìm cách biện minh cho sự thống trị thực dân châu Âu ngày càng mở rộng khắp địa cầu, đặc biệt là ở châu Mỹ, cùng với hoạt động buôn bán nô lệ xuyên Đại Tây Dương. Sự phát triển của các học thuyết về chủng tộc và sự vượt trội của chủng người châu Âu, cộng thêm nỗi ám ảnh của khoa học thời Khai sáng với

việc phân loại, đã dẫn đến hàng loạt hệ thống phân chia chủng tộc khác nhau. Một số trí thức đã hồi sinh cách hiểu cổ xưa về thế giới sinh vật - scala naturae (tiếng Latin: *thang bậc của tự nhiên*), hay Cây Sự Sống (*Great Chain of Being*) - để chứng minh rằng tự nhiên hoặc Thượng đế, đã tạo ra loài người với những đẳng cấp bất bình đẳng. Mô hình phân cấp cổ đại này - bao hàm mọi sinh vật sống, từ dạng đơn giản nhất đến con người, thiên thần, và cuối cùng là Thượng đế - trở thành công cụ hoàn hảo cho những người biện hộ cho chủ nghĩa thực dân và chế độ nô lệ, như một sự phản ánh tự nhiên của tình trạng bất bình đẳng mà họ tạo ra. Những khác biệt thể chất của người bản địa châu Mỹ và người châu Phi ở vùng hạ Sahara trở thành dấu hiệu tượng trưng cho địa vị thấp kém bị áp đặt lên họ.

Một số trí thức khác thì đi xa hơn mô hình Cây Sự Sống và sáng tạo ra hệ thống phân loại chủng tộc riêng. Trong các ấn phẩm từ năm 1735 đến 1759, nhà tự nhiên học người Thuỵ Điển là Carolus Linnaeus đã phân loại toàn bộ các loài động vật được biết đến khi ấy. Ông gộp loài người cùng nhóm với loài linh trưởng và thiết lập việc sử dụng cả thuật ngữ chi và loài để xác định tất cả các loài động vật. Đối với loài người, ông đưa ra tên khoa học vẫn được dùng đến ngày nay là Homo sapiens. Ông phân loài này thành bốn phân nhóm chính là H. americanus, H. africanus, H. europaeus, và H. asiaticus. Linnaeus còn thêm các phân nhóm là H. monstrosus (bao gồm những loài người huyễn tưởng) và H. ferus ("người hoang dã"), dấu hiệu cho thấy một số phân loại của ông dựa trên truyền thuyết và truyện kể du hành. Linnaeus cũng đưa ra các nhận định về tính khí và phong tục tập quán của từng nhóm người khác nhau kèm với mô tả thể chất, cho thấy sự hiểu biết còn hạn chế về ranh giới giữa đặc điểm

ngoại hình và văn hóa. Johann Friedrich Blumenbach, một nhà sinh lý học và giải phẫu so sánh người Đức thường được xem là cha đẻ của nhân học hình thái, chia loài người thành năm "biến thể". Ông lưu ý rằng không thể vạch ra ranh giới rõ ràng giữa các nhóm này và chúng thường có xu hướng hòa trộn "một cách vô thức" vào nhau. Năm phân nhóm của ông gồm người Mỹ, người Mã Lai, người Ethiopia, người Mông Cổ và người Caucasus (*American, Malay, Ethiopian, Mongolian,* và *Caucasian*). Những thuật ngữ này vẫn tiếp tục được sử dụng bởi nhiều nhà khoa học cho đến đầu (và thậm chí giữa) thế kỷ 20 như các danh mục chính của nhân loại.

Homo monstrosus

Ví dụ về các chủng tộc người được đồn đại là có tồn tại ở châu Âu thời kỳ đầu hiện đại từ The Nuremberg Chronicle, xuất bản khoảng năm 1493. Những chủng tộc huyễn hoặc như vậy được Linnaeus xếp vào danh mục Homo monstrosus.

Sự định chế hóa của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc khoa học

Trong suốt thế kỷ 19, giới khoa học phát triển nhiều kỹ thuật đo lường và phân tích mới. Các học giả tại châu Âu và Bắc Mỹ đã áp dụng những phương pháp khoa học này trong nỗ lực mô tả những gì họ cho là các danh mục chủng tộc bất biến. Năm 1799, Charles White, một bác sĩ đến từ Manchester, Anh, công bố nghiên cứu "khoa học" hoàn chỉnh đầu tiên về các chủng tộc người. Ông mô tả từng danh mục chủng tộc theo các đặc điểm thể chất, xác định những điểm khác biệt mà ông cho là tồn tại ở phần đầu, chân, tay, nước da[4], màu da, kết cấu tóc và mức độ dễ mắc bệnh. White đo đạc các phần cơ thể của một nhóm người da đen và da trắng, tạo ra ấn tượng rằng các kết luận của ông dựa trên cơ sở khoa học thực chứng. Không chỉ đề xuất sự phân cấp giữa các chủng tộc, ông còn cung cấp bằng chứng củng cố cho giả thuyết rằng người da đen, người bản địa châu Mỹ, một số nhóm châu Á, và người châu Âu có thể thuộc về những loài khác nhau. White đưa ra một cách giải thích cho cái gọi là "sự man rợ" của người châu Phi - một điều vượt xa phạm vi những nghiên cứu mô tả của ông có thể chỉ ra - khi đưa giả thuyết rằng họ đã thoái hóa khỏi điều kiện tinh khiết và bình dị ban đầu được cung cấp trong Vườn Địa Đàng, trong khi người châu Âu thì đã có những bước tiến hướng tới nền văn minh.

Tại Hoa Kỳ, bác sĩ Samuel Morton ở Philadelphia khai sinh ra ngành đo lường sọ học (craniometry), nghiên cứu đo đạc hộp sọ

[4] từ gốc là "complexion", miêu tả tình trạng tổng thể của làn da (như độ sáng, độ mịn, sự đều màu), thường ở mặt, khác với màu da (skin color) chỉ đơn thuần là màu sắc của da (da vàng, da trắng, da đen,...)

và cấu trúc khuôn mặt. Ông thu thập hộp sọ từ khắp nơi trên thế giới và phát triển các kỹ thuật đo đạc nhằm xác định sự khác biệt chủng tộc giữa các mẫu sọ. Sau khi phát triển kỹ thuật đo thể tích bên trong của sọ, Morton kết luận rằng người Mỹ da đen có não nhỏ hơn người da trắng, và người bản địa châu Mỹ thì có kích thước trung gian giữa hai nhóm. Vì trong cả khoa học lẫn quan niệm đại chúng khi đó, kích thước não được xem là tương quan với trí tuệ, phát hiện của Morton dường như củng cố cho niềm tin rằng người da đen kém thông minh hơn người da trắng. (Nghiên cứu hiện đại chỉ tìm thấy mối tương quan rất yếu giữa kích thước não và trí thông minh). Trong các ấn phẩm năm 1839 và 1844, ông công bố những phát hiện này, xác định rằng người bản địa châu Mỹ là một chủng tộc riêng biệt với người châu Á; và dựa trên tư liệu Ai Cập mà bản thân đã thu thập, ông cho rằng người Ai Cập cổ đại không phải là người da đen. Những kết luận của Morton đã phóng đại sự khác biệt giữa các nhóm chủng tộc, áp đặt ý nghĩa lên những sự khác biệt đó, từ đó đi đến kết luận rằng các nhóm người này thuộc về những loài khác nhau.

Nhân trắc học (*anthropometry*), tức là việc thu thập và phân tích có hệ thống các số đo cơ thể người, cũng phát triển mạnh từ giữa thế kỷ 19. Trong thời kỳ Nội chiến Hoa Kỳ, Ủy ban Y tế Hoa Kỳ (*U.S. Sanitary Commission*) và văn phòng tổng quản lý quân dịch đã thu thập dữ liệu về thể chất của những người lính nhập ngũ và lính tình nguyện từ các bộ phận thuộc lục quân, hải quân và thủy quân lục chiến. Bằng cách áp dụng các kỹ thuật nhân trắc học, họ tạo ra những bảng số liệu khổng lồ với các chỉ số đo lường cơ thể của hàng chục ngàn người da trắng, da đen, người bản địa và người lai. Giới khoa học khi đó đã diễn giải các dữ liệu này theo hướng củng cố cho lập luận rằng giữa các chủng tộc tồn tại khác

biệt mang tính căn bản; khẳng định rằng người da đen, người bản địa và người lai đều thấp kém hơn người da trắng. Nhân trắc học từ đó nở rộ, trở thành một công cụ khoa học chính thống để chứng minh sự khác biệt chủng tộc, và tiếp tục được sử dụng phổ biến đến tận thế kỷ 20.

Việc đo lường các khía cạnh khác nhau giữa các cá nhân để củng cố việc phân nhóm chủng tộc không chỉ giới hạn ở các đặc điểm thể chất. Đầu thế kỷ 20, Lewis Terman và các đồng sự tại Đại học Stanford đã phát triển bài kiểm tra IQ Stanford-Binet, dựa trên công cụ đánh giá năng lực trí tuệ của trẻ em Pháp trong môi trường học đường của nhà tâm lý học người Pháp Alfred Binet. Bài kiểm tra IQ bắt đầu được áp dụng trên quy mô lớn từ thập niên thứ hai của thế kỷ 20. Ảnh hưởng của các niềm tin về tính di truyền cùng với sức mạnh của thế giới quan phân loại chủng tộc đã định hình nhận thức của công chúng Mỹ rằng trí tuệ là yếu tố di truyền, cố định vĩnh viễn, và không tác động bên ngoài nào có thể thay đổi nó. Người ta tin rằng di truyền quyết định vị thế của một cá nhân hay một cộng đồng trong cuộc sống, cũng như trong sự thành công hay thất bại của họ. Hoa Kỳ trở thành quốc gia sử dụng các bài kiểm tra IQ nhiều hơn bất kỳ nơi nào khác. Lý do chính là vì các kết quả có xu hướng xác nhận kỳ vọng của người Mỹ da trắng; trung bình, người da đen đạt điểm IQ thấp hơn người da trắng. Các bài kiểm tra cũng cho thấy rằng nhóm người yếu thế trong mọi phân loại chủng tộc đều có điểm số thấp hơn so với nhóm được hưởng đặc quyền. Điều này phù hợp với niềm tin của đông đảo người Mỹ vốn đã chấp nhận chủ

nghĩa bản chất luận sinh học[5], còn ngày nay thì điều này được nhìn nhận là một chỉ báo cho thấy chỉ số IQ chịu ảnh hưởng đáng kể từ môi trường sống.

Về nguồn gốc các chủng tộc

Một số học giả thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20 xem phân chia chủng tộc là sự phân chia ở cấp độ loài. Vào giữa thế kỷ 19, Morton trở thành trung tâm của một mạng lưới các học giả và nhà khoa học ủng hộ cho thuyết đa nguồn gốc (*polygeny*), từ đó mâu thuẫn với quan điểm đơn nguồn gốc (*monogeny*) lâu đời bắt nguồn từ Kinh Thánh, vốn khẳng định rằng toàn bộ nhân loại là hậu duệ xuất phát từ một nguồn sáng tạo duy nhất. Nhân vật có ảnh hưởng lớn nhất trong cuộc tranh luận này là Louis Agassiz, người sau này nhận lời mời giảng dạy tại Đại học Harvard và đã cách mạng hóa ngành khoa học tự nhiên. Agassiz từng tin vào thuyết đơn nguồn gốc, nhưng chuyển sang ủng hộ thuyết đa nguồn gốc sau khi rời Thụy Sĩ sang Hoa Kỳ vào năm 1846. Đó là lần đầu tiên ông tiếp xúc trực tiếp với người da đen và nhận thấy sự khác biệt về ngoại hình giữa họ với người châu Âu. Ông cũng rất ấn tượng với bộ sưu tập hộp sọ của Morton và những công trình đo đạc, mô tả đi kèm. Cuối cùng, Agassiz trở thành người ủng hộ quan trọng nhất cho thuyết đa nguồn gốc, truyền bá quan điểm này trong các bài giảng đại chúng cũng như trong giảng đường, ảnh hưởng sâu sắc đến nhiều thế hệ sinh viên, mà nhiều người trong số họ sau này trở thành trí thức hàng đầu trong xã hội Mỹ.

[5] chủ nghĩa bản chất luận sinh học hay bioessentialism: Chủ nghĩa bản chất luận sinh học giả định rằng các đặc điểm, hành vi, và vai trò của con người đều được quy định bởi di truyền và sinh học, bỏ qua các điều kiện môi trường và xã hội.

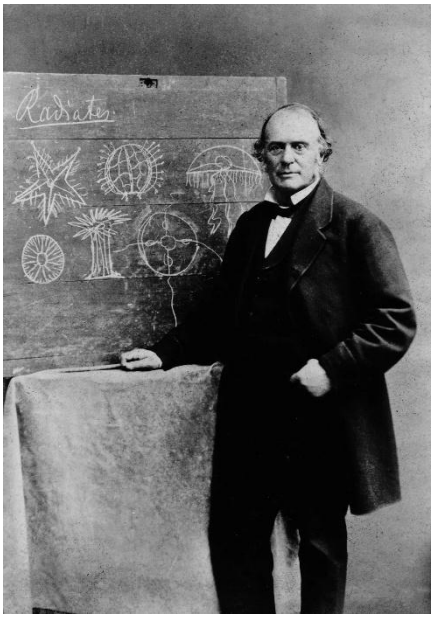

Ủng hộ thuyết đa nguồn gốc

Louis Agassiz, mặc dù là người ủng hộ trung thành thuyết đơn nguồn gốc trong giai đoạn đầu sự nghiệp, đã trở thành một trong những người ủng hộ quan trọng nhất của thuyết đa nguồn gốc khi ông chuyển đến Hoa Kỳ

Cuộc tranh luận về đơn hay đa nguồn gốc dần hạ nhiệt sau năm 1859, khi Charles Darwin công bố Nguồn gốc các loài, dẫn đến một cách hiểu có tính động học hơn về sự đa dạng của loài người. Thuyết tiến hóa của Darwin cho rằng các loài biến đổi theo thời gian, kể cả con người. Do vậy, chủng tộc phải là sản phẩm của áp lực tiến hóa. Việc các ý tưởng của Darwin về tiến hóa được lan rộng trong công chúng đã dẫn đến sự ra đời của chủ nghĩa Darwin xã hội (*social Darwinism*), lý thuyết cho rằng các cá nhân và cộng đồng ưu việt hơn sẽ chiến thắng các nhóm khác, và nhờ đó góp phần cải thiện nhân loại qua cơ chế "chọn lọc tự nhiên". Thuyết tiến hóa cũng dẫn dắt các nhà khoa học chủng tộc phát triển một góc nhìn mới về nguyên nhân của sự thấp kém bẩm sinh mà họ gán cho các chủng tộc ngoài da trắng; vấn đề trung tâm trở thành: liệu các nhóm người này tiến hóa trước hay sau

người da trắng? Tất nhiên rằng đây là một sự hiểu sai về cách thức hoạt động của tiến hóa. Chọn lọc tự nhiên là một quá trình liên tục, không có loài nào (chứ đừng nói đến một nhóm trong loài hay một cá nhân) lại tiến hóa hơn so với loài khác. Bản thân Darwin cũng nhận thức rõ rằng không có dạng sống nào cao hơn hay thấp hơn dạng sống khác, chỉ đơn thuần là những sinh vật khác nhau thích nghi với những môi trường sống khác nhau. Thế nhưng, các học giả theo chủ nghĩa Darwin xã hội và những người nghiên cứu sự tiến hóa của các chủng tộc lại một lần nữa lấy cái kết luận của họ (rằng sự khác biệt chủng tộc tương đương với sự phân chia cấp độ loài) làm tiền đề mặc định không bị chất vấn, rồi từ đó xây dựng giả thuyết dựa trên nền tảng sai lầm ấy.

Sự suy tàn của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc khoa học

Tư duy kiểu hình về chủng tộc đã bị phản bác bởi các nhà nhân học đầu thế kỷ 20. Ví dụ, Franz Boas đã công bố nhiều nghiên cứu cho thấy rằng các đặc điểm hình thái học thay đổi theo từng thế hệ trong cùng một cộng đồng, rằng cấu trúc xương như hộp sọ có thể biến đổi và bị ảnh hưởng bởi yếu tố ngoại cảnh, và rằng các chỉ số trung bình của một cộng đồng có thể thay đổi rõ rệt ở thế hệ kế tiếp.

Boas và các nhà nhân học thời kỳ đầu được đào tạo tại Hoa Kỳ nhận ra rằng quan niệm phổ biến về chủng tộc thường bị gộp chung, từ đó gây ra nhầm lẫn giữa sinh học, ngôn ngữ, và văn hóa. Họ bắt đầu kêu gọi tách biệt khái niệm “chủng tộc” với tư cách một hiện tượng sinh học thuần túy, rời ra khỏi hành vi và

ngôn ngữ, từ chối giả thuyết rằng các đặc điểm thể chất có liên hệ với ngôn ngữ và văn hóa mà con người mang theo.

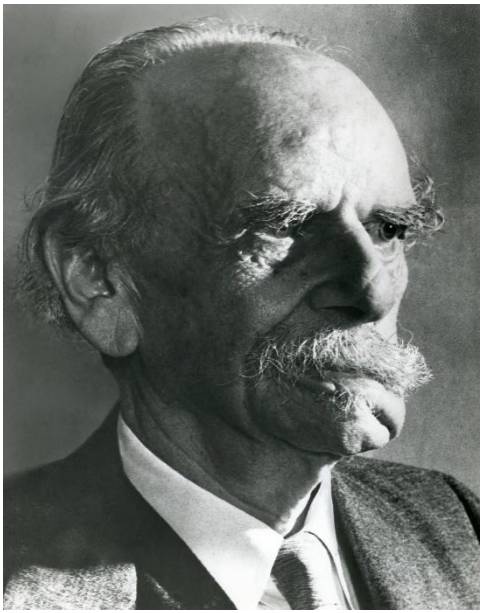

Cha đẻ của ngành nhân học Mỹ

Franz Boas, 1941.

Dù những lập luận của họ ít có ảnh hưởng đối với công chúng vào thời điểm ấy, nhóm học giả này đã mở đường cho một cách tư duy mới trong việc hiểu về sự khác biệt của loài người. Việc tách biệt văn hóa và ngôn ngữ - vốn là những hành vi có được thông qua học hỏi - khỏi đặc điểm sinh học, tức là những yếu tố được di truyền đã trở thành nguyên lý trung tâm trong ngành nhân học. Khi ngành này phát triển và lan rộng thông qua các công trình nghiên cứu và đào tạo học thuật, sự hiểu biết và công nhận của công chúng đối với chân lý căn bản này cũng ngày càng tăng. Tuy nhiên, ý tưởng cho rằng hành vi con người có nền tảng

di truyền vẫn tồn tại một cách dai dẳng lì lợm trong cả tư duy đại chúng lẫn tư duy khoa học.

Năm 1900, sau khi các thí nghiệm của Gregor Mendel về tính di truyền được tái khám phá, giới khoa học bắt đầu dồn sự chú ý nhiều hơn vào gene và nhiễm sắc thể. Mục tiêu của họ là xác định cơ sở di truyền của vô số đặc điểm hình thái. Khi hệ nhóm máu ABO được phát hiện và được chứng minh rằng nó tuân theo quy luật di truyền Mendel, các hệ nhóm máu khác - như hệ MNS, hệ Rh và nhiều hệ khác - cũng lần lượt được phát hiện. Các chuyên gia tin rằng cuối cùng họ đã tìm ra những đặc điểm di truyền có thể được sử dụng để nhận diện các chủng tộc, vì chúng vốn là bẩm sinh và không chịu ảnh hưởng từ môi trường. Đến những năm 1960 và 70, giới khoa học bắt đầu viết về các nhóm chủng tộc như những quần thể phân biệt nhau không phải bởi những đặc điểm tuyệt đối, mà bởi tần suất biểu hiện của các gene mà cả quần thể này chia sẻ. Người ta kỳ vọng rằng mỗi chủng tộc, và mỗi quần thể trong mỗi chủng tộc, sẽ có những tần suất nhất định của một số gene, cho phép phân biệt họ với các chủng tộc khác.

Thông tin về nhóm máu được thu thập từ số lượng lớn các quần thể, nhưng, khi các nhà khoa học cố gắng chứng minh sự tương quan giữa các mô hình nhóm máu với những phân loại chủng tộc theo thường lệ, họ không tìm thấy bằng chứng nào cả. Mặc dù các quần thể có sự khác nhau về mô hình nhóm máu, ví dụ như tần suất của các nhóm A, B và O, nhưng không có dữ liệu nào chứng minh được ranh giới giữa các chủng tộc. Khi tri thức về di truyền người ngày càng mở rộng, người ta tiếp tục đi tìm các chỉ dấu di truyền khác để phân biệt, nhưng những chỉ dấu

này cũng không thể phân chia nhân loại một cách rành mạch thành những chủng tộc. Đa phần các khác biệt được biểu hiện dưới dạng chuyển tiếp dần dần theo không gian địa lý rộng lớn, chứ không phải dưới dạng thay đổi đột ngột giữa các "chủng tộc" với nhau. Hơn thế nữa, không phải mọi nhóm trong một "chủng tộc địa lý" lớn đều chia sẻ cùng một mô hình đặc điểm di truyền. Sự đa dạng nội tại của một chủng tộc đã được chứng minh là lớn hơn sự khác biệt giữa các chủng tộc. Quan trọng hơn cả, các đặc điểm hình thái hay kiểu hình, vốn được cho là do DNA quyết định, thực chất lại được di truyền một cách độc lập với nhau. Điều này càng làm cho mọi nỗ lực mô tả khác biệt chủng tộc bằng ngôn ngữ di truyền thêm phần bất khả.

Sự tiếp diễn của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc khoa học

Một số khía cạnh của tư tưởng phân biệt chủng tộc khoa học vẫn tồn tại dai dẳng cho tới cuối thế kỷ 20 và đầu thế kỷ 21, bất chấp việc các tiền đề của lĩnh vực này đã bị chứng minh là sai lạc. Ví dụ về sự tiếp diễn của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc khoa học dao động từ những trường hợp vô tình tái tạo định kiến sẵn có, cho đến các trường hợp công khai hàm chứa hệ tư tưởng này. Những nghiên cứu sử dụng chủng tộc (thay vì một cách tiếp cận phức tạp hơn về tổ tiên di truyền) để thảo luận các hiện tượng gene thường bỏ qua những khác biệt quan trọng bên trong chính các nhóm chủng tộc mà nghiên cứu này nhắm tới, đồng thời củng cố một ranh giới nhân tạo giữa các quần thể, từ đó vô tình lặp lại các ý tưởng cũ kỹ của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc khoa học. Các định kiến trong lĩnh vực y học, tỉ dụ như niềm tin cho rằng các chủng tộc khác nhau cảm nhận cơn đau theo cách khác

nhau mà một nghiên cứu năm 2016 phát hiện là phổ biến trong giới sinh viên y khoa, cũng có thể dẫn đến kết quả điều trị xấu hơn cho các nhóm thiểu số sắc tộc. Nhiều người phản đối nghiên cứu về IQ đã chỉ trích các công trình tập trung vào chỉ số IQ, và coi hướng phát triển này là một hình thức tiếp tay cho chủ nghĩa phân biệt chủng tộc khoa học. Trường hợp nổi bật là phản ứng đối với cuốn sách The Bell Curve: Intelligence and Class Structure in American Life (tạm dịch là *Đường cong hình chuông: Trí thông minh và cấu trúc giai cấp trong đời sống người Mỹ*) xuất bản năm 1994 của Richard Herrnstein và Charles Murray, dù hai tác giả phủ nhận cáo buộc theo đuổi chủ nghĩa phân biệt chủng tộc khoa học. Trái lại, nhà tâm lý học Richard Lynn từ Đại học Ulster, người vẫn tiếp tục công tác đến tận thế kỷ 21, sẵn sàng nhận mình là một người phân biệt chủng tộc khoa học.

Tiền sử của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc khoa học

Tác giả của cuốn Whiteness (tạm dịch là Tính da trắng*) lần theo quá trình tiến hóa của khái niệm chủng tộc như một công cụ xã hội và chính trị, từ các hệ thống phân tầng cổ đại, xuyên suốt quá trình bành trướng thực dân châu Âu, cho đến thời kỳ đương đại.*

Dịch từ bài viết của tạp chí *the MIT Press Reader*

Tác giả: Martin Lund là Giảng viên Cao cấp Khoa Xã hội, Văn hóa và Bản sắc tại Đại học Malmö. Ông là tác giả của một số cuốn sách, bao gồm cuốn Whiteness. Bài viết này được trích ra từ đó.

Trong cuốn sách Critique of Black Reason (tạm dịch là *Phê phán Lý luận Da đen*), triết gia Achille Mbembe viết rằng tính da trắng "về nhiều mặt, là một ảo tưởng do trí óc châu Âu tạo ra, một ảo tưởng mà phương Tây đã dốc sức tự nhiên hóa và phổ quát hóa". Đó là một ảo tưởng đã được hình thành từ rất lâu. Xu hướng phân loại và gán ý nghĩa cho sự khác biệt là một đặc điểm phổ quát của con người; chúng ta thường phải phân loại để tồn tại và để hiểu thế giới quanh mình. Đôi khi việc phân loại đó vô hại, đôi khi không. Chẳng hạn, nhiều văn bản cổ từng mô tả và gán sự khác biệt cho các dân tộc, nhưng chúng không mang tính chủng tộc hóa. Chỉ đến cái gọi là Kỷ nguyên Khám phá khi người châu Âu đặt chân đến Tây bán cầu hoặc mở rộng phạm vi và quyền lực của họ sâu hơn vào châu Phi và châu Á, thì lúc này mới có đủ những điều kiện để cấu thành một trật tự xã hội mang tính chủng tộc.

Cái mà ngày nay ta gọi là định chế hóa chủng tộc ban đầu vay mượn ngôn ngữ của thần học làm khuôn mẫu. Một mô hình phổ biến để sắp xếp các sinh thể trong thế giới là hệ thống phân cấp vũ trụ, đôi khi được gọi là *scala naturae* (thang bậc của tự nhiên) hay Cây Sự Sống (*Great Chain of Being*). Những thang bậc này hình dung toàn bộ tạo hóa như một hệ thống phân tầng, có các sinh thể được sắp xếp từ bậc thấp đến cao, và đặc biệt từ sau sự trỗi dậy của Kitô giáo thì thường có Thượng đế nằm ở đỉnh cao nhất.

Được ghi nhận từ thời cổ đại, ít nhất là trong triết học của Aristotle (384 – 322 TCN), những thang bậc này trở thành đề tài tranh luận lớn từ thời Trung cổ kéo dài đến cận đại. Chúng thường được sắp xếp theo cấp độ loài sinh vật. Thang bậc này

hiếm khi bao hàm các phân loại chủng tộc cho tới trước những năm 1600, thời điểm tư duy chủng tộc bắt đầu xâm nhập vào cái gọi là ý thức phương Tây và ở lại vĩnh viễn. Những *scalae* chủng tộc đầu tiên, như của nhà kinh tế học kiêm thống kê William Petty (1676) hay nhà giải phẫu học Edward Tyson (1699), ban đầu ít được chú ý, nhưng đến năm 1799, khi bác sĩ Charles White công bố tác phẩm thượng đẳng da trắng "An Account of the Regular Gradation in Man, and in Different Animals and Vegetables; and from the Former to the Latter" (tạm dịch là *Một bản tường trình về sự phân cấp đều đặn trong loài người, trong các loài động thực vật; và từ người đến vật*) thì phân loại chủng tộc mới trở thành một công cụ hữu ích cho những ai muốn biện minh những cuộc chinh phục đẫm máu chiếm đoạt con người, đất đai, và tài nguyên.

Chủ nghĩa bản chất luận trong tư duy chủng tộc không hình thành ngay lập tức. Người Hy Lạp và La Mã cổ đại, cũng như nhiều nền văn minh khác, từng thể hiện nhiều dạng thức bài ngoại, nhưng gần như luôn để ngỏ "lối thoát" thông qua cải đạo hoặc đồng hóa. Tiến trình đi đến chủ nghĩa bản chất trong định kiến đối với người Do Thái ở châu Âu và người Phi châu da đen là một quá trình chậm rãi kéo dài qua nhiều thế kỷ. Dù chống Do Thái giáo đã là một phần cốt lõi của Kitô giáo gần như từ thuở khai sinh, nhưng phải đến thế kỷ thứ 12 - 13, một số người mới bắt đầu nói đến sự khác biệt không thể vượt qua được giữa người Do Thái và người ngoại đạo. Và tuy sự liên tưởng giữa màu đen và điều ác đã có từ lâu, không phải ở nơi nào nó cũng chuyển thành tâm thức bài người da đen. Chủ nghĩa bài Do Thái tại Tây Ban Nha bắt đầu phát triển thành các ý tưởng về sự thuần khiết của huyết thống (*limpieza de sangre*) trong thế kỷ 14-15, được

diễn đạt dưới hình thức tôn giáo rằng ai là Kitô hữu và ai không, chứ chưa phải trắng hay không trắng, nhưng theo sử gia George M. Fredrickson, nó chính là "giai đoạn bản lề giữa sự bất khoan dung tôn giáo thời Trung cổ chuyển giao sang chủ nghĩa phân biệt chủng tộc mang tính tự nhiên hóa của thời hiện đại", vì nó đã bắt đầu sinh học hóa sự khác biệt. Tương tự, dù chưa bao giờ được chấp nhận rộng rãi, cái gọi là lời nguyền của Ham cũng dần bị gán cho người Phi da đen – khi con trai của Noah là Ham bị cha nguyền rủa trở thành đầy tớ. Lời nguyền ấy đã trở thành cơ sở cho nhiều thế kỷ tranh luận xung quanh tính chính đáng của chế độ nô lệ; có người dùng nó để hợp pháp hóa chế độ này, có người lại lấy nó để phản bác.

Cái chết bám theo sau bước chân người châu Âu, không chỉ bằng nòng súng, mà còn bằng dịch bệnh, nạn đói, và cưỡng bức lao động tàn bạo.

Khi chủ nghĩa thực dân định cư bắt đầu hình thành vào khoảng đầu thế kỷ 16, người ta cần một hệ thống lý giải mới để thay thế cho ngôn ngữ tôn giáo, nhất là bởi vì chế độ nô lệ ngày càng trở nên khó biện minh nếu đặt cạnh những tuyên ngôn phổ quát của Kitô giáo về khả năng cứu rỗi vô hạn thông qua Chúa Jesus. Cái gọi là khám phá ra các vùng đất mới mà trước đó người châu Âu chưa biết đến nhanh chóng bị nối tiếp bởi sự bóc lột, chiếm đoạt và thống trị. Cái chết bám theo sau bước chân người châu Âu, không chỉ bằng nòng súng, mà còn bằng dịch bệnh, nạn đói, và cưỡng bức lao động tàn bạo.

Dù mãi đến năm 1944 khái niệm diệt chủng mới được đặt tên, chủ nghĩa thực dân châu Âu về bản chất đã là một dự án diệt chủng: Dân số bản địa châu Mỹ gần như bị tuyệt diệt sau năm 1492; dân Guanches trên quần đảo Canary bị tuyệt diệt từ năm 1478 đến 1541; và người bản địa Tasmania cũng bị tàn sát tương tự từ năm 1803 đến 1876. Những cộng đồng sống sót sau làn sóng thực dân thường bị cưỡng bức di dời khỏi quê hương tổ tiên, như trong quá trình Thụy Điển thực dân hóa Sápmi, bắt đầu với việc khai thác bạc năm 1635 và lên đến đỉnh điểm vào năm 1919 cùng quá trình di dời cưỡng bức kéo dài đến đầu những năm 1930. Nhiều cộng đồng bị cưỡng chế di dời thêm lần nữa khi những mảnh đất dành riêng cho họ hóa ra lại có giá trị trong con mắt thực dân, tỉ như những gì xảy ra với người Úc bản địa cho đến tận những năm 1950, hay người Lakota Sioux sau khi vàng được phát hiện ở Black Hills, Nam Dakota năm 1874; hoặc các tộc bản địa ở Tây Nam Hoa Kỳ trong loạt cuộc di dời thảm khốc được biết đến với tên gọi Đường mòn Nước mắt giữa những năm 1830–1850.

Cần có những biện hộ mới để thúc đẩy việc xây dựng quốc gia và nhanh chóng mở rộng thương mại toàn cầu, đồng thời nhằm hợp lý hóa việc bành trướng thuộc địa, bóc lột, trục xuất và tiêu diệt người bản địa. Tất cả đều là yếu tố cần thiết để các dự án đế quốc sinh lời. Cuộc gặp gỡ giữa người châu Âu và các cộng đồng mà họ chưa từng biết đến làm dấy lên những câu hỏi về việc liệu tất cả con người có thực sự cùng thuộc về một "gia đình nhân loại", kéo the những câu hỏi theo sau nữa, chẳng hạn như khả thể đạo đức nào cho phép bắt con người ta làm nô lệ?

Cái gọi là Thời đại Khai sáng cũng được xây dựng quanh những lý tưởng như tự do, quyền tự nhiên và bình đẳng – những

khẩu hiệu khó mà dung hòa với việc áp bức và chế ngự. Những ranh giới dần được kiến tạo ra – giữa các dân tộc châu Âu khác nhau hoặc "người châu Âu" như một tập hợp siêu quốc gia tưởng tượng, tách biệt với những Kẻ Khác – sản xuất ra những hệ thống phân cấp để thúc đẩy các ý tưởng về sự thượng đẳng và hạ đẳng giữa con người với con người. Thông qua quá trình chủng tộc hóa, những đặc điểm thể chất trở thành căn cứ để xác định địa vị xã hội, và rồi ý tưởng về các đặc điểm đó lại bị gán thêm hàng loạt tính chất đạo đức, trí tuệ, xã hội, tâm lý, và những tính chất khác nữa. Những hiểu biết thô sơ đó về sự khác biệt tiếp tục được đưa vào chính sách, pháp luật, và tổ chức xã hội. Chính trong mớ hỗn độn giữa các cấu trúc kinh tế – xã hội cùng với các hệ thống ký hiệu và diễn ngôn về sự khác biệt (thường dựa trên màu da) giữa các nhóm người, cái "danh mục chủ đạo" là chủng tộc đã ra đời, với châu Âu và do đó là tính da trắng nằm ở trung tâm.

Một trong những ví dụ sớm nhất và triệt để nhất của tư duy chủng tộc xuất hiện ở các thuộc địa Bắc Mỹ của Anh vào khoảng đầu thế kỷ 18. Việc sử dụng lao động không tự do vốn đã có lịch sử lâu đời. Chế độ nô lệ xuất hiện trong những tư liệu cổ xưa như Kinh Thánh hay Bộ luật Hammurabi (khoảng thế kỷ 18 TCN). Các đồn điền chuyên canh trồng mía đường ở châu Âu và đồn điền thuốc lá ở Bắc Mỹ thời Anh quốc phần lớn đều dựa vào các hình thức nô lệ hóa - kể cả những người hiện nay được xem là "da trắng" - thông qua lao động theo khế ước, hoặc thông qua lao động cưỡng bức đối với các tù binh nổi loạn bị lưu đày sang thuộc địa. Nhưng đối với lao động cưỡng bức, một sự chuyển dịch đã bắt đầu xảy ra trong suốt thế kỷ 17, chủ yếu là do nhu cầu sử dụng lao động da đen gia tăng và sự bất mãn ngày càng lớn trong tầng lớp lao động đe dọa trật tự xã hội và lợi nhuận của giới tinh hoa:

một hệ thống đàn áp chủng tộc da đen và một định chế thượng đẳng da trắng mới đã được thiết lập và củng cố.

Thật vậy, trong câu chuyện phát minh ra "chủng tộc da trắng" ở nơi mà sau này trở thành nước Mỹ, và cả trong các đế chế khác, chế độ nô lệ động sản[6] là trung tâm. Dù ta dễ nghĩ rằng chế độ nô lệ động sản là hệ quả của phân biệt chủng tộc, nhưng nói cho chính xác thì phân biệt chủng tộc mới là sản phẩm của chế độ nô lệ động sản. "Da trắng" và "da đen" được phát minh để thiết lập một đường ranh phân chia người châu Âu và người châu Phi ở Bắc Mỹ thuộc Anh. Người da trắng dù giàu hay nghèo đều được thuyết phục rằng họ có nhiều điểm chung với nhau hơn là với bất kỳ ai không mang ngoại hình giống họ, còn người bản địa thì bị tách thành một nhóm hoàn toàn riêng biệt. Sự định chế cấu trúc chủng tộc này được thực hiện một phần thông qua hình ảnh người da đen bị trình bày như không phải con người hoặc dưới mức con người; cùng với luật pháp, chẳng hạn như các điều lệ được ban hành ngay trong các văn kiện lập quốc của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, ghi khắc chế độ nô lệ chủng tộc và địa vị của người da đen như là tài sản. Trong khi đó, người da trắng bất kể giai cấp dần dần được ban phát các đặc quyền – mà trước Nội chiến Hoa Kỳ, những đặc quyền quan trọng nhất là quyền được coi là công dân tự do, quyền nhập cư và nhập tịch, và quyền bầu cử. Sử gia Nell Irvin Painter, trong cuốn The History of White People (tạm dịch là *Lịch sử của Người Da Trắng*), chỉ ra rằng "Việc bãi bỏ các rào cản kinh tế trong quyền bầu cử của đàn ông da trắng đã khiến Hoa Kỳ, theo cách gọi thời đó, trở thành "đất nước của đàn ông da

[6] chattel slavery là một hình thức nô lệ mà trong đó người nô lệ bị coi là tài sản, có thể mua, bán, trao đổi, và sở hữu vĩnh viễn như một món đồ.

trắng", một chính thể được định nghĩa bởi chủng tộc và chỉ giới hạn trong phạm vi của đàn ông da trắng."

Việc kiến tạo một xã hội có cấu trúc chủng tộc còn được củng cố thêm qua các biện pháp lập pháp và văn hóa, cũng như thông qua bạo lực chủng tộc. Vào thời điểm phong trào xóa bỏ chế độ nô lệ đang dần có được chỗ đứng vững chắc hơn tại Hoa Kỳ, phán quyết Dred Scott năm 1857 của Tòa án Tối cao Hoa Kỳ tuyên bố rằng người da đen – dù là người tự do hay là nô lệ – đều "không có quyền nào mà người da trắng buộc phải tôn trọng", từ đó hợp thức hóa một cách không thể chối cãi nền tảng phân biệt chủng tộc của thể chế chính trị Hoa Kỳ. Phán quyết ấy về sau bị vô hiệu hóa khi chế độ nô lệ bị bãi bỏ, nhưng tinh thần của nó thì vẫn còn nguyên. Công cuộc Tái thiết đã thất bại thảm hại, như từ lâu đã được các tác giả như W. E. B. Du Bois hay Carol Anderson chỉ ra, và chủ nghĩa phân biệt chủng tộc chống lại người da đen càng gia tăng trong những thập niên tiếp theo, kéo theo một làn sóng thượng đẳng da trắng kịch liệt và bạo lực. Những hệ thống thứ bậc xã hội – chủng tộc khác cũng được các đế quốc châu Âu khác thiết lập ở nhiều nơi, và quá trình này vẫn tiếp diễn cho đến tận ngày nay. Điều này không có nghĩa là tất cả người da trắng đều được đối xử như nhau, ở Hoa Kỳ hay nơi khác; giữa lời nói và thực tế luôn có một khoảng cách.

Những nỗ lực duy trì các định chế phân biệt chủng tộc thượng đẳng da trắng ngày càng được bọc trong ngôn ngữ khoa học xuyên suốt thế kỷ 18.

Những nỗ lực duy trì các định chế phân biệt chủng tộc thượng đẳng da trắng ngày càng được bọc trong ngôn ngữ khoa học xuyên suốt thế kỷ 18. Thông qua các hệ thống phân loại của những nhà tự nhiên học như Carl Linnaeus (1707–1778) người Thụy Điển, người đã đưa ra hệ thống phân loại sinh vật (1735) mà trong đó con người được chia thành các "biến thể" khác nhau (châu Âu, Anh Điêng châu Mỹ, châu Á, và châu Phi), chủng tộc được gắn vào vị trí của nhân loại trong Cây Sự Sống. Viết vào đầu thế kỷ 18, sử gia Henri de Boulainvilliers (1658–1722) cho rằng giới cầm quyền Pháp là hậu duệ của người Frank gốc German vượt trội hơn, từ đó liên kết tầng lớp xã hội với tư duy chủng tộc sơ khai. Tại Anh cũng vậy, các huyền thoại về dòng máu German vượt trội cũng là nền móng cho sự kiến tạo một dân tộc "Anglo-Saxon", nơi một sự ưu việt chủng tộc tưởng tượng đã hình thành nên nền tảng cho một phong trào bản sắc dân tộc mới. Đến thời Khai sáng, các ý tưởng về "chủng tộc" đã trở nên phổ biến, và nhiều trí thức hàng đầu châu Âu lúc bấy giờ đã thành thạo thứ ngôn ngữ đầy tính phân biệt chủng tộc ấy. Dù một số nhà tự nhiên học như Georges-Louis Leclerc de Buffon (1707–1788) cho rằng sự khác biệt về sắc tố da, chẳng hạn, là do điều kiện môi trường, họ vẫn thường xếp hạng các "chủng tộc" và luôn cho người châu Âu da trắng đứng ở vị trí cao nhất (còn các "chủng tộc" sống ở những vùng khí hậu khắc nghiệt hơn thì bị coi là "thoái hóa" theo cách này hay cách khác).

Nói thế không có nghĩa là "khoa học" chủng tộc nổi lên trong thời kỳ này mang tính nhất quán hay đồng bộ. Trong lần xuất bản thứ ba năm 1795 của chuyên luận On the Natural Variety of Mankind (tạm dịch là *Về sự đa dạng tự nhiên của nhân loại*), nhà nhân học người Đức Johann Friedrich Blumenbach, người đã đưa

ra thuật ngữ "Caucasian" để chỉ người da trắng, "đã vui vẻ liệt kê mười hai hệ thống phân loại người khác nhau và mời độc giả "chọn cái nào họ thích nhất"", theo Painter. Mặc dù phân loại năm nhóm "chủng tộc" của Blumenbach được chấp nhận rộng rãi, các nhà lý thuyết phân biệt chủng tộc chưa bao giờ thống nhất được với nhau về số lượng các chủng tộc được cho là bất biến. Đến lần tái bản thứ ba của Blumenbach, màu da đã trở thành một yếu tố trung tâm trong cái được xem là khoa học chủng tộc.

Ông đưa màu da vào hệ thống phân loại của mình và xếp da trắng ở vị trí cao nhất, với lý do rằng đây là "biến thể lâu đời nhất của loài người", dù ông vẫn cho rằng màu da là do khí hậu và trải nghiệm sống chứ không phải thuộc tính bẩm sinh; và rằng tính trắng "Caucasian" ấy được mở rộng đến tận dãy Ural và sông Hằng. Thế kỷ 19 cũng chứng kiến một cuộc tranh luận dai dẳng giữa những người ủng hộ thuyết đơn nguồn gốc và những người theo thuyết đa nguồn gốc. Thuyết đơn nguồn gốc tin rằng toàn nhân loại có chung một nguồn gốc, dù là thần thánh hay tự nhiên, và chỉ về sau mới phân hóa, trong khi thuyết đa nguồn gốc tin rằng rằng các chủng tộc khác nhau có nguồn gốc khác nhau ngay từ đầu – và niềm tin này là dị giáo trong mắt nhiều người.

Đến đầu thế kỷ 19, chủng tộc đã bị biến thành sinh học và được phân loại như thể một điều hiển nhiên là "tự nhiên". Những khác biệt được cho là bẩm sinh giữa người da trắng và những nhóm người "thấp kém hơn" ngày càng được dùng để biện minh cho sự phân phối không đều về quyền lợi và tài nguyên, ngay cả khi các học thuyết về "quyền tự nhiên" được rao giảng rộng rãi. Dù những nhà tư tưởng khác có ảnh hưởng lớn hơn vào thời điểm

đó, ảnh hưởng hậu kỳ của nhà dân tộc học Arthur de Gobineau (1816–1882) là vô cùng to lớn. Trong tác phẩm Essay on the Inequality of the Human Races (tạm dịch là *Bài luận về sự bất bình đẳng giữa các chủng tộc người*) (1853–1855), bên cạnh các tuyên bố khác, Gobineau cho rằng dân số Pháp bao gồm ba chủng tộc là Bắc Âu, An-pơ và Địa Trung Hải; tương ứng với cấu trúc giai cấp của đất nước. Quá trình khoa học hóa chủng tộc và tính da trắng tiếp tục thông qua việc sử dụng thuyết tiến hóa của nhà tự nhiên học Charles Darwin (1859), đặc biệt dưới hình thức bị chủng tộc hóa gọi là chủ nghĩa Darwin xã hội, vốn áp dụng các ý tưởng về "chọn lọc tự nhiên" lên con người, và lập luận rằng bất bình đẳng về chủng tộc và giai cấp bắt nguồn từ khác biệt sinh học chứ không phải bất công xã hội. Thế giới quan này được dùng để phản đối các chính sách xã hội nhằm giúp đỡ người nghèo, trẻ em và phụ nữ, trong khi tiếp tục tạo dựng và hợp thức hóa những khác biệt không chỉ giữa người da trắng với người không phải da trắng, mà còn giữa các giai cấp khác nhau của người da trắng. Các khẳng định dựa trên Darwin cũng được sử dụng để hợp pháp hóa tội diệt chủng: các chủng tộc "cao hơn" vốn dĩ có xu hướng tự nhiên sẽ vượt qua các chủng tộc "thấp hơn."

Các trường phái tư tưởng chủng tộc khác cũng xuất hiện: đo lường sọ học, não tướng học và ưu sinh học là những ví dụ về các phương pháp được cho là khoa học nhằm đo lường đặc điểm chủng tộc, được sử dụng để thúc đẩy chính sách và thay đổi văn hóa theo hướng đặc quyền cho một số nhóm người da trắng, trong khi đàn áp hoặc gạt ra ngoài lề các nhóm người da màu và cả những người da trắng khác. Những phương tiện chủng tộc hóa này cho phép các hình thức dự án chủng tộc mới xuất hiện, giúp định chế hóa các cấu trúc chủng tộc mà trong đó tổ chức pháp lý

và kinh tế dựa trên chủng tộc có thể trở thành cơ sở để quyết định ai được nhập quốc tịch còn ai bị loại trừ, phân biệt nơi cư trú, và cưỡng bức triệt sản, cùng nhiều điều khác.

Những quá trình chủng tộc hóa và dự án chủng tộc như vậy đạt đến hình thức hệ thống hóa và biện minh rõ ràng nhất trong cái mà nhà sử học George M. Fredrickson gọi là ba "chế độ phân biệt chủng tộc công khai" của thế kỷ 20: nước Đức quốc xã (1933–1945), miền Nam nước Mỹ thời Jim Crow (1870s–1960s), và Nam Phi chế độ apartheid (1948–1994). Cả ba chế độ đều có các hệ tư tưởng chính thống phân biệt chủng tộc một cách rõ ràng, thể hiện các ý tưởng về sự khác biệt chủng tộc một cách hà khắc nhất trong các đạo luật cấm kết hôn khác chủng tộc, phân biệt xã hội theo luật định, loại trừ những nhóm bị chỉ định ra khỏi các chức vụ công hoặc quyền bầu cử, và hạn chế quyền tiếp cận nguồn lực và cơ hội kinh tế của các nhóm này.

Dù khác nhau về chi tiết, tất cả đều thúc đẩy các định chế chủng tộc nhằm củng cố và duy trì chủ nghĩa thượng đẳng da trắng trước các nhóm bị định nghĩa là không phải da trắng, bất kể đường phân biệt chính diễn ra theo màu da (trắng - đen) hay giữa các nhóm người có kiểu hình da trắng khác nhau ("Aryan" với "phi Aryan"/Do Thái).

Các khẳng định dựa trên Darwin được sử dụng để hợp pháp hóa tội diệt chủng: các chủng tộc "cao hơn" vốn dĩ có xu hướng tự nhiên sẽ vượt qua các chủng tộc "thấp hơn".

Mặc dù các tiếng nói phản đối đã âm ỉ trong nhiều thập kỷ, đặc biệt là trong các phê phán của người da đen đối với chủ nghĩa phân biệt chủng tộc sinh học hay "khoa học", chỉ đến khoảng Thế chiến thứ Hai và sau đó thì tư duy chủng tộc vốn đã ăn sâu mới bắt đầu bị chất vấn một cách triệt để trong các không gian của người da trắng (và phần lớn những cuộc chất vấn này lại viện dẫn các phê phán đến từ những nhà phê bình da trắng). Lãnh đạo Đảng Quốc Xã Adolf Hitler, theo cách diễn đạt của Fredrickson, đã khiến chủ nghĩa phân biệt chủng tộc "mang tiếng xấu". Ý niệm rằng chủng tộc là một sự thật sinh học có tính định đoạt đã được xem xét lại và bị gán nhãn là một huyền thoại xã hội, chẳng hạn như trong tuyên bố của Liên Hiệp Quốc. Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc công khai trong quan hệ liên cá nhân phần lớn trở nên không thể chấp nhận được trong các không gian công cộng của người da trắng ở thời kỳ hậu chiến, trong khi chủ nghĩa phân biệt chủng tộc mang tính cấu trúc thì vẫn tiếp tục (và vẫn tiếp tục đến ngày nay) không được xét đến và cũng không được giải quyết trong những không gian đó. Thế nhưng, hệ thống pháp lý mang tính phân biệt chủng tộc một cách công khai nhằm duy trì thượng đẳng da trắng vẫn tiếp tục tồn tại ở miền Nam Hoa Kỳ thời Jim Crow và Nam Phi. Việc triệt sản cưỡng bức những người bị xem là không phải hoặc không hoàn toàn da trắng - những "kẻ không được mong muốn" (khoảng 63.000 người, bắt đầu từ năm 1935) tiếp tục diễn ra ở Thụy Điển cho đến năm 1976, dưới danh nghĩa "vì lợi ích của chủng tộc". Ở Hoa Kỳ, sau một phán quyết của Tòa án Tối cao vào năm 1927 nhằm giữ nguyên Đạo luật Triệt sản Ưu sinh của bang Virginia, có tới khoảng 70.000 ca triệt sản cưỡng bức đã được thực hiện. Những nhóm được hưởng lợi nhiều nhất từ sự thoái lui khỏi các lý thuyết về chủng tộc sinh học, trong nhiều trường hợp, là các nhóm có ngoại hình giống

người da trắng hơn và từ đó được gán nhãn thuộc về phạm trù chủng tộc da trắng một cách ổn định hơn.

Trong cuốn sách mang tính bước ngoặt Racial Formation in the United States (tạm dịch là *Định chế hóa chủng tộc ở Hoa Kỳ*), Michael Omi và Howard Winant viết rằng trong thời đại của chúng ta, chủng tộc chủ yếu là một hiện tượng chính trị. Xét rộng hơn, nó vẫn luôn là như vậy. Ý nghĩa của chủng tộc thường được định hình bởi sự đấu tranh chính trị giữa nhà nước và xã hội dân sự, cũng như giữa các nhóm khác nhau trong mối quan hệ với nhà nước; các quốc gia dân tộc đã tham gia vào quá trình định nghĩa chủng tộc trong nhiều thế kỷ, quyết định ai được công nhận là công dân, ai được phép kết hôn với ai, ai được sinh sản, ai được sống ở đâu, và vân vân. Hệ thống phân loại chủng tộc của một nhà nước nhất định định hình địa vị xã hội, mức độ tiếp cận, quyền lợi, và nhiều khía cạnh khác của đời sống người dân. Những người được phân loại là da trắng ở các quốc gia khác nhau, bất kể có ý thức được hay không, cũng thường xuyên nỗ lực duy trì đặc quyền của mình trước những người không được phân loại như vậy, hoặc là tham gia vào một điệu nhảy tinh vi nhằm nhường một chút không gian để cho phép một vài người được bước vào phạm trù da trắng trong khi vẫn duy trì việc loại trừ những người khác. Điều này không có gì đáng ngạc nhiên. Tính da trắng có thể là một ảo tưởng, nhưng đối với nhiều người được hưởng lợi từ nó, đó là một ảo tưởng đáng để tin vào. Việc được công nhận là người da trắng vẫn tiếp tục tạo ra tác động vật chất và quyết định đến việc ai có thể sống như thế nào ở phần lớn thế giới phương Tây đương đại cũng như ở nhiều nơi khác trên thế giới, và thậm chí đến khả năng liệu họ có thể bắt đầu một cuộc sống ở đó hay không.

Trắng không chỉ là một màu – Trắng là một hệ tư tưởng

Từ "trắng", trong bối cảnh bàn về phân biệt chủng tộc, không phải là dấu hiệu chỉ màu da. Trong bối cảnh trọng yếu này, "trắng" là một hệ tư tưởng.

Dịch từ bài viết của tờ báo *Al Jazeera.*

Tác giả: Hamid Dabashi là Giáo sư Hagop Kevorkian về Nghiên cứu Iran và Văn học So sánh tại Đại học Columbia.

Những người phản đối Lý thuyết Chủng tộc Phê phán biểu tình bên ngoài trụ sở Hội đồng Trường học Quận Loudoun, tại Ashburn, Virginia, Hoa Kỳ ngày 22 tháng 6 năm 2021.

[Evelyn Hockstein/Reuters]

Các cuộc thảo luận công khai ngày càng gia tăng về chủng tộc và phân biệt chủng tộc tại Hoa Kỳ một lần nữa khiến hàng triệu người Mỹ thiện chí hiểu nhầm rằng nếu họ trông giống như những gì hiện đang được xã hội mã hóa là "người da trắng", thì họ phải cảm thấy tội lỗi về lịch sử phân biệt chủng tộc của đất nước mình. Đó là một cảm giác tội lỗi sai lầm. Nhìn vào bất kỳ ai và đánh giá tư cách đạo đức của họ dựa trên màu da là hành vi phân biệt chủng tộc trắng trợn, dựa trên một giả định sai và phi lý. Chỉ có những kẻ thượng đẳng da trắng là được lợi từ sự nhầm lẫn giữa "trắng" như là màu da với "trắng" như là một hệ tư tưởng thượng đẳng chủng tộc.

Một tên tuyên truyền phản động tên là Christopher Rufo hiện đang được xem là kẻ khiêu khích hàng đầu, kích động những người Mỹ mang định kiến chủng tộc chống lại một bóng ma do chính họ tưởng tượng ra gọi là "Lý thuyết Chủng tộc Phê phán" (Critical Race Theory), bằng cách đánh đồng phân biệt chủng tộc với màu da được gán cho một người. Mục tiêu là gieo rắc nỗi sợ rằng nếu màu da của họ bị xã hội mã hóa là "trắng" ở đất nước này, thì họ đang là mục tiêu của những đòi hỏi công lý chủng tộc từ các đồng hương "da màu" của mình.

Nhưng từ "trắng" trong bối cảnh bàn về phân biệt chủng tộc không phải là ký hiệu cho màu da. Trong bối cảnh sống còn này, "trắng" là một hệ tư tưởng. Bạn chỉ "trắng" theo nghĩa này khi bạn tin rằng mình được quyền hưởng những đặc ân mà phải bị từ chối đối với những người mà cùng lúc đó bạn gọi là "đen", "nâu", "đỏ", "vàng", v.v.

Phân biệt chủng tộc là một khái niệm kiến tạo xã hội

"Không hề có thứ gọi là chủng tộc, hoàn toàn không có" – đó là cách cố tiểu thuyết gia vĩ đại Toni Morrison diễn giải vấn đề một cách rất đơn giản trong một cuộc phỏng vấn nổi tiếng. "Xét về mặt khoa học và nhân chủng học, chỉ có loài người. Phân biệt chủng tộc là một khái niệm kiến tạo xã hội, và nó có lợi: người ta có thể kiếm tiền từ nó, những kẻ không thích bản thân mình có thể cảm thấy khá hơn nhờ nó... vì vậy nó có một chức năng xã hội. Nhưng "chủng tộc" thì chỉ có thể được định nghĩa là con người".

Chính theo nghĩa đó, từ "trắng" là biểu thị của phân biệt chủng tộc, là biểu hiện về mặt ý thức hệ, là biểu tượng được mã hóa của nó. Chỉ có thế. Không một con người nào khi sinh ra là "trắng", "đen", "nâu", "đỏ", "vàng" hay bất kỳ màu sắc nào khác. Tất cả những điều đó là do xã hội gán ghép về sau, nhằm chia để trị hiệu quả hơn. Người Đông Á bị gọi là "vàng", người Tây Á và người gốc Mỹ Latinh là "nâu", người bản địa châu Mỹ là "đỏ", người châu Phi là "đen", tất cả đều bị đặt đối lập với cái gọi là trung tâm hư cấu của chủng tộc da trắng, tức "trắng", một nhãn mác do người châu Âu tự áp lên mình và truyền lại cho các thuộc địa định cư như Bắc Mỹ hay Úc như một biểu tượng của sự ưu việt. Nguồn gốc lịch sử của tất cả các cách gọi phân biệt chủng tộc này được "khoa học hóa" rầm rộ nhất vào thời kỳ mà người châu Âu gọi – không chút mỉa mai – là "Thời kỳ Khai sáng".

Phân biệt chủng tộc là sự mã hóa bằng màu da của quan hệ quyền lực và sự lạm dụng, hoàn toàn giống như phân biệt giới tính là sự mã hóa về giới của cùng một căn bệnh xã hội. Phân biệt chủng tộc là sản phẩm phụ của quá trình chinh phục thuộc địa toàn cầu để bóc lột kinh tế, một quá trình vốn cần đến ngụy biện văn hóa và lý do chính đáng về mặt ý thức hệ. Nếu bạn nghĩ mình vượt trội hơn người khác vì bạn "trắng", hoặc bạn đến từ một nền văn minh thượng đẳng hơn vì bạn là "trắng", thì bạn là kẻ phân biệt chủng tộc, vì bạn đang cho rằng mình thuộc về một chủng tộc hư cấu nào đó thượng đẳng hơn những chủng tộc khác, và vì thế bạn có quyền đàn áp, bóc lột họ.

Đó là cách người Anh cai trị Ấn Độ, người Pháp cai trị Algeria, người Bỉ cai trị Congo, v.v. Khi người Đức tàn sát hàng chục ngàn người châu Phi ở Namibia từ năm 1904 đến 1908, điều đó bắt nguồn từ cảm thức về sự thượng đẳng chủng tộc. Khi họ mang

cuộc diệt chủng đó về quê nhà và thực hiện nó với người Do Thái chỉ vài thập kỷ sau, thì vẫn là cùng một cảm thức về sự thượng đẳng chủng tộc đó.

Trong một cuộc phỏng vấn khác, Toni Morrison được hỏi liệu bà có bao giờ thay đổi và viết những cuốn sách "với lượng lớn những nhân vật da trắng" không. Bà nhìn người phỏng vấn không phải bằng ánh mắt khinh bỉ mà là thương hại. Bà đáp: "Bạn không hiểu câu hỏi đó mang tính phân biệt chủng tộc mạnh mẽ đến mức nào, bởi vì bạn sẽ không bao giờ hỏi một nhà văn da trắng khi nào họ sẽ viết về người da trắng."

Ở đây, Morrison đã lật ngược câu hỏi phân biệt chủng tộc ném vào mình. Câu hỏi được đưa ra từ một trung tâm quyền lực ngầm định, tự cao đến mức không tự nhận thức được chính nó. Morrison đã vạch trần trung tâm ấy, buộc nó phải tự nhận thức và lộ rõ bản chất giả tạo.

Không có chủng tộc trước khi có phân biệt chủng tộc

Những cuộc đối thoại như thế tràn ngập trong tư tưởng của Toni Morrison, James Baldwin và nhiều người khác, nơi giả định ý thức hệ về việc là người "da trắng" bị chất vấn và phơi bày. Nhưng phải đến tiểu thuyết A Mercy (2008), Morrison mới thật sự quay trở lại một giai đoạn trong lịch sử Mỹ khi chưa tồn tại cái gọi là "lịch sử Mỹ", thời kỳ mà xã hội trên lục địa này hãy còn linh hoạt, chưa có sự mã hóa chủng tộc bằng quyền lực - thứ đã xuất hiện và đã trở thành nền tảng xuyên suốt lịch sử nước Mỹ sau đó.

Lấy bối cảnh cuối thế kỷ 17, A Mercy phác họa một vùng đất nơi người Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Anh và các dân tộc châu Âu khác đã bắt đầu xâm chiếm lãnh thổ bản địa và đưa người châu Phi đến làm nô lệ, thời kỳ trước khi chế độ nô lệ và màu da "đen" được mã hóa chặt chẽ. Trong truyện, số phận đan xen giữa Jacob Vaark, một thương nhân gốc Anh-Hà Lan, vợ ông - Rebekka, nữ nô lệ Florens, lao động bản địa Lina và một thợ rèn người Phi tự do mà Florens đem lòng yêu, cùng nhau kể lại một nước Mỹ hoàn toàn khác, trước khi phân biệt chủng tộc trỗi dậy như dấu ấn định hình lịch sử Hoa Kỳ.

Tương tự, nhưng bằng tư duy phê phán thay vì hư cấu sáng tạo, trong cuốn sách năm 2010 The History of White People (tạm dịch là *Lịch sử người da trắng*), học giả Nell Irvin Painter đã trình bày chi tiết và tường tận lịch sử quanh co, vặn vẹo của chính cái ý niệm "người da trắng" thay đổi liên tiếp trong suốt chiều dài lịch sử, và cách mà thời kỳ "Khai sáng" ở châu Âu chịu trách nhiệm cho việc phát minh ra các phân loại chủng tộc.

Trong cái gọi là "Thời đại Lý trí" ấy, các học giả như Johann Friedrich Blumenbach (1752–1840) bắt đầu phân chia loài người thành chủng bằng cách đo sọ người. Trong một bài luận, Painter giải thích:

"Ở hai cực, Blumenbach đặt các sọ mà ông ta cho là xấu xí nhất - người châu Phi và người châu Á. Bên cạnh người châu Phi là người Tahiti. Bên cạnh người châu Á là người bản địa châu Mỹ," Painter viết. "Ở chính giữa là 'chiếc sọ đẹp nhất' của Blumenbach: sọ của một thiếu nữ người Georgia từng là nô lệ tình dục ở Moscow và chết vì bệnh lây qua đường tình dục. Chiếc sọ đẹp đó trở thành cơ sở cho cái tên mà ông ta đặt cho người da trắng, cái

tên “Caucasian” [người da trắng], nghĩa là người bản địa ở Nam Caucasus [giữa Biển Đen và Biển Caspi].″

Dựa trên quá khứ huy hoàng như thế, “trắng” ngày nay là một niềm tin ý thức hệ được hình thành khi người ta phớt lờ những lịch sử này và bị nhồi vào sọ không chỉ chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, mà còn cả tư duy phân loại con người bằng màu da. Là “người da trắng” không phải là một đặc tính sinh học khiến ai đó bị kết án là hận thù hay cuồng tín. Không ai bị kết án cả. Là “người da trắng” là một lựa chọn ý thức hệ khiến người ta tin rằng mình là con người thượng đẳng hơn người khác.

Muốn vượt qua căn bệnh phân biệt chủng tộc, điều đầu tiên là phải tháo gỡ cấu trúc xã hội tạo ra các chủng tộc - thứ vốn là tiền đề để phân biệt chủng tộc sinh sôi. Với lịch sử lâu dài và đẫm máu của hận thù chủng tộc đã phơi bày trần trụi trong bốn năm nhiệm kỳ của Donald Trump, nước Mỹ vẫn còn một chặng đường rất dài trước khi thực sự nhìn nhận và hiểu được sự thật căn bản này. Có những món lợi quyền lực, nhất là những gì đã được thể chế hóa trong Đảng Cộng hòa, gắn chặt vào việc duy trì lịch sử đẫm máu ấy.

Để vượt qua điều đó, chúng ta phải nhận ra rằng “trắng” là một hệ tư tưởng, một ý thức sai lầm mang tính phân biệt chủng tộc được những kẻ quyền lực sử dụng để chia rẽ dân chúng và dễ cai trị hơn. Chính những kẻ có tiền và quyền mới là người hưởng lợi từ thứ ý thức sai lầm này. Còn người không tiền không quyền thì bị chia ra thành trắng, đen, vàng, đỏ... Người giàu có và quyền lực sử dụng những nhãn mác chủng tộc hư cấu ấy để khiến người ta khinh ghét lẫn nhau, qua đó che giấu chiến tuyến thực sự là cuộc đấu tranh giai cấp. Chủng tộc chỉ là sự mã hóa bằng màu sắc của

mối quan hệ quyền lực, chứ không phải bản thân mối quan hệ quyền lực ấy. Một người nghèo bị dán nhãn là "trắng" thì có điểm gì chung với một kẻ giàu có thao túng những ý thức hệ phân biệt chủng tộc đó? Không gì cả, ngoài ảo tưởng rằng mình thuộc về một chủng tộc thượng đẳng, trong khi họ đang cùng hứng chịu khó khăn kinh tế với những người cũng bị tước đoạt y như mình, những người mà họ được dạy là phải ghét vì họ "đen", "nâu", "vàng", hay "đỏ".

Nếu bạn không phân biệt chủng tộc thì bạn không phải là "trắng", bất kể hệ thống quyền lực màu hóa kia đã gán cho bạn mã màu gì. Tương tự, nếu bạn không cảm thấy mình là nạn nhân của hệ thống mã hóa màu da ấy, thì bạn cũng không thực sự là "đen", "nâu", "vàng", "đỏ", hay bất kỳ màu nào khác được chỉ định theo cùng một hệ thống mã màu đó. Bạn là con người. Giả định của W.E.B. Du Bois rằng "vấn đề của thế kỷ 20 là vấn đề của ranh giới màu da" chỉ đúng nếu chúng ta tiếp tục bị giam cầm trong hệ thống mã hóa quyền lực bằng màu sắc đó. "Ranh giới màu da" sẽ không còn là vấn đề nữa nếu chúng ta hiểu được nó, tháo gỡ nó và vượt qua nó. Và vào ngày đó, Martin Luther King đang chờ ta: "Tôi có một giấc mơ rằng bốn đứa con nhỏ của tôi một ngày nào đó sẽ được sống trong một đất nước nơi chúng không bị đánh giá bởi màu da, mà bởi phẩm chất nhân cách của mình."

Ẩn dụ "cầu vồng" - thường được dùng để nói về sự hài hòa giữa các sắc tộc - thực chất là một ẩn dụ tự do chủ nghĩa khiếm khuyết. Một hình ảnh vượt trội hơn nhiều là ẩn dụ của Rumi, người trong một câu chuyện Masnavi từng nói rằng màu sắc chỉ là những tầng mây che khuất ánh trăng rực rỡ. Chúng ta không cần thứ màu sắc giả tạo do trí tưởng tượng hỗn loạn vẽ nên.

Chúng ta cần ánh sáng lấp lánh được mài giũa từ tâm hồn thanh thản của mình.

Nhà nhân học Michel Agier: “Chủng tộc không tồn tại về mặt sinh học, nhưng chủng tộc được tạo ra bởi chủ nghĩa phân biệt chủng tộc thì tồn tại về mặt xã hội.”

Trong cuộc phỏng vấn với Le Monde, nhà nhân học phân tích tâm lý phân biệt chủng tộc tiềm ẩn mà theo ông, là một phần của lịch sử thuộc địa và đế quốc của châu Âu.

Dịch từ bài phỏng vấn của *Le Monde*. Truy cập vượt tường trả phí theo đường dẫn.

Phỏng vấn được thực hiện bởi **Séverine Kodjo-Grandvaux**.

Nhà nhân học Michel Agier, giám đốc nghiên cứu tại Trường Nghiên cứu Cao cấp về Khoa học Xã hội (Ecole des Hautes Etudes en Sciences Sociales - EHESS) ở Pháp, trong cuốn sách mới Racisme et Culture: Explorations Transnationales (tạm dịch là *Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc và Văn hóa: Những Khám phá Liên quốc gia*) đã khảo sát sự hồi sinh chính trị của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc trong các xã hội đa văn hóa và toàn cầu hóa.

Ở phần đầu sách, ông chỉ ra rằng việc có bằng chứng khoa học bác bỏ sự tồn tại của các chủng tộc không ngăn cản được chủ nghĩa phân biệt chủng tộc. Ông lý giải điều này như thế nào?

Vào thập niên 1970, các nhà sinh học, dịch tễ học và khảo cổ học đã chứng minh rằng chủng tộc không phải là một khái niệm khoa học có thể dùng để giải thích sự thật về các quần thể người. Cùng thời gian đó, nhà xã hội học Colette Guillaumin (1934–2017) đã chỉ ra rằng cái tồn tại không phải là chủng tộc, mà là một thực tại thống trị, đi kèm với một diễn ngôn mang lại tính chất tự nhiên cho sự thống trị đó.

Điều cần phải ghi nhớ là chủng tộc không tồn tại về mặt sinh học, nhưng chủng tộc được tạo ra bởi chủ nghĩa phân biệt chủng tộc thì tồn tại về mặt xã hội. Chính hình thức chủng tộc đó cần phải được nghiên cứu, để có thể nhìn thấy chiều kích phân biệt chủng tộc của sự thống trị.

Ông nhận định rằng các tầng lớp tinh hoa, đặc biệt là giới chính trị gia, đang làm sống lại những tham chiếu về chủng tộc; và theo ông, họ làm điều đó dựa trên một lối tư duy mang tính phân biệt chủng tộc. Cụ thể, ông muốn nói gì ở đây?

Tôi sử dụng khái niệm *infrapensée* [có nghĩa là một tâm lý phân biệt chủng tộc tiềm ẩn] để mô tả di sản tư tưởng còn sót lại từ lịch sử thuộc địa và đế quốc ở Pháp và châu Âu. Lịch sử đó đã tạo nên một hệ ngôn ngữ đặc trưng với những từ ngữ, ý tưởng và biểu tượng riêng biệt. Nó hiện diện trong các tác phẩm văn học của Joseph Conrad hay Louis-Ferdinand Céline, và cũng tồn tại trong chính trị với các thuật ngữ như "người di cư", "sắc tộc", hay "người nhập cư thế hệ thứ hai, thứ ba."

Tất cả những từ này trực tiếp phản ánh tâm lý phân biệt chủng tộc tiềm ẩn này, thứ tư duy liên kết bản sắc Pháp với màu da trắng. Khi người ta nói "người nhập cư thế hệ thứ ba" thì họ đang loại trừ một số người Pháp khỏi cộng đồng dân tộc vì đã mặc định những người này là người nước ngoài vĩnh viễn.

Các chính trị gia có chịu trách nhiệm tạo ra chủ nghĩa phân biệt chủng tộc không?

Có, họ có chịu trách nhiệm khi họ dựa vào tâm lý phân biệt chủng tộc đó để làm cho tính khác biệt xuất hiện một cách tự nhiên và, khi làm như vậy, tạo ra một loại hạt nhân dân tộc hoặc dân tộc - sắc tộc.

Mặc dù thế giới đã thay đổi sâu sắc kể từ sau thời kỳ phi thực dân hóa, và hiện nay chúng ta sống trong một thế giới đa văn hóa, giới chính trị vẫn không thể trả lời câu hỏi khó khăn nhưng tất yếu về cách chúng ta có thể cùng chung sống trên quy mô toàn cầu. Họ có xu hướng tiếp tục đổ lỗi cho cùng những người đó, những kẻ ngoài rìa, cho dù đó là "người nước ngoài ở nước ngoài" hay "người nước ngoài trong nước".

Có phải tâm lý phân biệt chủng tộc tiềm ẩn này góp phần tạo nên chủ nghĩa phân biệt chủng tộc mang tính cấu trúc, đôi khi vô hình hoặc vô thức không? Và nếu có thì như thế nào?

Việc thiếu vắng các chính sách công nhằm chỉnh đốn sự thống trị dựa trên phân biệt chủng tộc rốt cuộc đã dẫn đến sự hình thành của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc mang tính cấu trúc – hay, có thể nói, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc này cuối cùng đã dần hòa lẫn vào trong xã hội. Chúng ta thậm chí không còn nhìn thấy nó nữa, và bản thân ta có thể trở nên đồng lõa một cách vô tình hoặc không hề hay biết trong việc loại trừ, trong sự phân biệt đối xử trong tiếp cận việc làm và nhà ở, trong sự từ chối của hệ thống trường học, và vân vân. Tại Pháp, có tồn tại chủ nghĩa phân biệt chủng tộc mang tính hệ thống,, nhưng điều đó không có nghĩa đó là chủ nghĩa phân biệt chủng tộc của nhà nước.

Văn hóa da trắng có nhất thiết phải là phân biệt chủng tộc không?

Về mặt lịch sử, người da trắng là hậu duệ của những kẻ đã kiến tạo nên các đường ranh phân chia chủng tộc. Đó là sự thật. Chính những người châu Âu da trắng đã thống trị thế giới từ thế kỷ 15 đến thế kỷ 19, là những người đã dùng khái niệm chủng tộc để gán nhãn cho những cộng đồng mà họ không hiểu, và kể từ giữa thế kỷ 19, cũng chính họ đã phát triển một "hệ lý thuyết" nhằm biện minh cho sự thống trị của châu Âu đối với thế giới.

Ngày nay, tất cả những ai tin vào bình đẳng, tức là những người mong muốn công bằng xã hội và xem bình đẳng phổ quát như mục tiêu tối hậu, đều không thể làm ngơ trước chiều kích phân biệt chủng tộc của bất bình đẳng.

Một nền văn hóa da trắng không phân biệt chủng tộc là nền văn hóa thừa nhận rằng phân biệt chủng tộc là một vấn đề có ảnh hưởng đến cả người da đen lẫn người da trắng. Trong cuộc đấu tranh này, người da trắng có một vai trò cụ thể trong việc hiểu, phê phán và chỉnh đốn sự thống trị này. Đây là một tư tưởng mà Frantz Fanon từng nhiều lần nhấn mạnh. Bất kỳ sự giải phóng nào của người bị áp bức cũng giải phóng người áp bức.

Khái niệm chủng tộc có thể được sử dụng theo hướng giải phóng và không phân biệt chủng tộc không?

Có một phản ứng văn hóa đối với chủ nghĩa phân biệt chủng tộc: nó xuất hiện dưới hình thức của một màn trình diễn văn hóa, hay một màn tự-trình-diễn, tạo ra cái gọi là sự chuyển hóa chủng tộc (transfiguration of race). Điều đó có nghĩa là khi một con người bị gán cho một danh mục chủng tộc, họ sẽ chuyển hóa danh tính bị áp đặt này thành một thứ khác. Trong quá trình này, người bị trị trở thành một chủ thể chủ động: họ tiếp nhận sự thống trị mà mình đang phải gánh chịu và biến nó thành một điều khác biệt.

Trình diễn văn hóa đóng vai trò rất quan trọng: nó góp phần xây dựng một nền văn hóa giải phóng chất vấn khái niệm chủng tộc hoặc danh tính bị áp đặt. Điều này có thể thấy rõ trong các màn trình diễn lễ hội hóa trang của "người châu Phi ở Bahia", cũng như trong tác phẩm Carte Noire Nommée Désir (Tạm dịch là *Thẻ Đen Mang Tên Khao Khát*) của Rébecca Chaillon, một tác phẩm đã đặt câu hỏi về vô thức thuộc địa của Pháp.

Văn hóa của những người tạo ra chủ nghĩa phân biệt chủng tộc được hình thành như thế nào?

Văn hóa thống trị hoạt động bằng cách lặp lại và bình thường hóa các khuôn mẫu áp bức, cho dù đó là sự thống trị đối với phụ nữ hay là sự thống trị chủng tộc, như thể việc phụ nữ bị đàn ông kiểm soát hay người da đen bị bắt làm nô lệ chỉ đơn thuần là trật tự tự nhiên sẵn có của thế giới. Việc bình thường hóa sự thống trị và loại trừ có thể đi xa đến mức khiến con người trở nên vô cảm với cái chết của người khác, thậm chí là thờ ơ trước tội ác giết người trong các trường hợp tận diệt hay diệt chủng. Điều này giải thích lý do vẫn có những người có thể sống trong yên ổn khi 50.000 người đã chết ở Địa Trung Hải, hay khi các vụ thảm sát diễn ra ở Palestine.

Chủng tộc và sắc tộc khác nhau như thế nào?

Chủng tộc và sắc tộc không hiện diện ở cấp độ di truyền, nhưng khái niệm chủng tộc vẫn định hình trải nghiệm của nhân loại.

Dịch từ bài viết của *National Geographic*

Tác giả: Erin Blakemore

Chủng tộc và sắc tộc là hai khái niệm liên quan đến nguồn gốc tổ tiên của con người. Chủng tộc được định nghĩa là "một nhóm người có cùng một số đặc điểm hình thể đặc trưng". Thuật ngữ sắc tộc được định nghĩa rộng hơn là "một nhóm lớn những người được phân loại theo nguồn gốc hoặc nền tảng chung về chủng tộc, quốc gia, bộ tộc, tôn giáo, ngôn ngữ hoặc văn hóa."

"Chủng tộc" thường gắn liền với khía cạnh sinh học và liên quan đến các đặc điểm hình thể như màu da hoặc kết cấu tóc. "Sắc tộc" gắn liền với biểu hiện và nhận diện văn hóa. Tuy nhiên, cả hai đều là các cấu trúc xã hội được sử dụng để phân loại và mô tả các nhóm dân cư tưởng như tách biệt.

Các sắc tộc có chung một nền tảng văn hóa. Khu phố Mea Shearim, nằm ngay bên ngoài Cổng Damascus ở Jerusalem, chủ yếu là người Do Thái Haredi.

Ảnh của John Stanmeyer, Bộ sưu tập ảnh Nat Geo

Di truyền học và chủng tộc

Không chủng tộc hay sắc tộc nào có thể được phát hiện trong bộ gen người. Con người có những biến thể di truyền, một số từng được cho là liên quan đến tổ tiên đến từ các khu vực khác nhau trên thế giới. Nhưng những biến thể này không thể được dùng để phân chia thành các nhóm sinh học tách biệt. Các xét nghiệm di truyền không thể được sử dụng để xác minh hoặc xác định chủng tộc hay sắc tộc, dù bản thân các xét nghiệm này lại làm tăng niềm tin vào sự khác biệt chủng tộc.

Mặc dù chủng tộc không có cơ sở di truyền, khái niệm xã hội về chủng tộc vẫn định hình trải nghiệm của loài người. Định kiến chủng tộc thúc đẩy sự loại trừ xã hội, phân biệt đối xử và bạo lực với những người thuộc một số nhóm xã hội nhất định. Theo đó, thành kiến chủng tộc mang lại đặc quyền xã hội cho một số người, đồng thời gây ra bất bình đẳng xã hội và thể chất cho những người khác, điều này được thể hiện rộng rãi trong hệ thống phân cấp xã hội, nơi người da trắng được ưu ái hơn so với những người có màu da sẫm hơn.

Phân loại chủng tộc

Chủng tộc và sắc tộc thường bị xem là giống nhau, nhưng trong khoa học xã hội và sinh học, đây là hai khái niệm khác biệt. Nói chung, con người chấp nhận hoặc từ chối việc gắn bó bản thân với một sắc tộc nào đó dễ dàng hơn là so với chủng tộc, mặc dù các sắc tộc khác nhau đã từng bị gộp chung vào các nhóm chủng tộc trong những thời kỳ lịch sử khác nhau.

Phong tục tôn giáo cũng đóng một vai trò quan trọng trong sắc tộc. Tại đây, các tín đồ cử hành nghi lễ ban phước lành bằng nước và rửa chân cho các Tổ phụ Ethiopia vào Thứ Năm Tuần Thánh tại Thành Cổ Jerusalem.

Ảnh: John Stanmeyer, Bộ sưu tập ảnh Nat Geo

Học giả pháp lý Tanya K. Hernandez từng viết: "Trải nghiệm xã hội khi liên tục bị nhìn nhận là khác biệt mới chính là điều hình thành nên bản sắc chủng tộc, chứ không phải một nền văn hóa chung." Những người cùng một sắc tộc có thể nói chung một ngôn ngữ, đến từ cùng một quốc gia, hoặc chia sẻ cùng một tôn giáo hay niềm tin, hoặc một biểu hiện văn hóa khác.

Tính chính trị của chủng tộc

Chính phủ Hoa Kỳ công nhận sự khác biệt giữa khái niệm chủng tộc và sắc tộc, và phân loại cá nhân thành các nhóm:

Trắng, Đen hoặc người Mỹ gốc Phi, Châu Á, Người Mỹ bản địa và thổ dân Alaska, Người Hawaii bản địa và các đảo Thái Bình Dương khác, hoặc "khác". Đồng thời, Hoa Kỳ cũng công nhận hai sắc tộc: Hispanic hoặc Latino và Không phải Hispanic hoặc Latino. Dữ liệu nhân khẩu học này ảnh hưởng lần lượt đến chính sách công và luật dân quyền.

Con người chia sẻ với nhau đến hơn 99% vật chất di truyền, và sự khác biệt giữa các cá nhân là nhiều hơn so với giữa các nhóm sắc tộc. Tuy vậy, tàn dư của khái niệm mang tính kiến tạo về chủng tộc và sắc tộc vẫn có thể thấy rõ ở mọi lĩnh vực, từ nhà ở đến y tế. Định kiến về chủng tộc và sắc tộc tác động đến việc phân bổ của cải, quyền lực và cơ hội, đồng thời tạo ra các phân tầng xã hội kéo dài dai dẳng.

Niềm tự hào chủng tộc có thể kích động thành kiến chủng tộc, như trong trường hợp của những người theo chủ nghĩa thượng đẳng da trắng. Nhưng với các thành viên của những nhóm bị lề hóa vì chủng tộc hoặc sắc tộc, việc tham gia các hoạt động thúc đẩy niềm tự hào về cộng đồng của mình có thể giúp giảm bớt hoặc bù đắp tác động của sự phân biệt chủng tộc và định kiến xã hội. Dù chủng tộc và sắc tộc là hai trong số những khái niệm gây chia rẽ nhiều nhất trong lịch sử, không thể phủ nhận tác động của cả hai đến trải nghiệm xã hội, cá nhân và văn hóa của chúng ta.

Unlearn

"Unlearn" là cơ hội để xây dựng một thế giới dựa trên tri thức đúng đắn và sự thấu hiểu lẫn nhau.

Tác giả: Rất Đỗi Tự Hào

Hãy tưởng tượng một con cá đang bơi trong nước. Nó không nhận ra rằng mình đang sống giữa dòng nước, giống như chúng ta thường không thấy những niềm tin đã trở thành mặc định trong cuộc sống.

Con người sống những mặc định xã hội ấy mà nhiều khi không nhận ra tầm ảnh hưởng của chúng. Những cấu trúc và định kiến này có thể ăn sâu vào tâm trí đến mức chúng ta tưởng nó là "tự nhiên" hay "lẽ thường", cũng như con cá lướt qua làn nước mà không nhận thức được nước xung quanh là một phần quan trọng trong sự tồn tại của mình.

Một trong những dòng nước đó, âm thầm nhưng quyền lực, chính là khái niệm "chủng tộc".

Chúng ta đã được dạy một cách trực tiếp hoặc gián tiếp rằng "người da trắng", "người da đen", "người châu Á", "người da nâu" là những phân loại khoa học, rằng sự khác biệt về màu da đi kèm với những bản chất khác biệt về mặt sinh học. Nhưng khoa học hiện đại đã chứng minh điều ngược lại, không hề tồn tại thứ gọi là chủng tộc về mặt sinh học. Những gì ta vẫn gọi là chủng tộc không phải là sự thật khách quan của loài người, mà là một cấu trúc xã hội được tạo ra để phục vụ cho quyền lực, sự thống trị và phân biệt đối xử, bắt nguồn từ lịch sử thực dân châu Âu.

Giống như những niềm tin được xem là hiển nhiên như vai trò giới là bất biến, rằng thành công phải gắn liền với sự giàu có, hay những định kiến vô hình đối với người khuyết tật, việc *unlearn* (gỡ bỏ những niềm tin lỗi thời này) chính là bước đầu tiên để nhìn thấy dòng nước mà ta đang sống giữa.

Unlearn thực chất không phải là một khái niệm mới, nó đã xuất hiện khá lâu trong tiếng Anh Trung cổ từ những năm 1500. Trong bối cảnh hiện đại, từ này ngày càng trở nên phổ biến, đặc biệt trong các cuộc thảo luận về phát triển cá nhân và chuyên môn. Mô hình Learn - Unlearn - Relearn thường được coi là chìa khóa để thích nghi trong một thế giới luôn thay đổi.

Vậy thì *unlearn* là gì? Hiểu một cách đơn giản, *unlearn* có nghĩa là buông bỏ những kiến thức, thói quen hoặc niềm tin không còn phù hợp. Đây là một quá trình có chủ đích nhằm đánh giá lại và vượt qua những tư duy lỗi thời, từ đó sẵn sàng tiếp nhận những ý tưởng mới và đạt được sự tiến bộ thực sự.

Unlearn là một hành động cá nhân và cũng là một quá trình xã hội quan trọng, nơi các tập thể, có khi là cả nền văn minh phải đánh giá lại cấu trúc tri thức của mình. Nhờ thế mà nhân loại mới tiến bộ, bằng cách nhìn lại, tháo gỡ, và từ bỏ những ý niệm đã từng được coi là hiển nhiên, nhưng thực ra đang củng cố quyền lực của những hệ thống áp bức.

Lịch sử nhân loại là một chuỗi dài những lần *unlearn* tập thể, nơi tri thức mới đã thay thế những ý niệm cũ để mở ra chân trời mới.

Một ví dụ nổi bật là Thuyết Nhật tâm của Cô-péc-ních. Trước đây, người ta tin rằng Trái Đất là trung tâm của vũ trụ - một quan niệm đã thống trị suốt hàng ngàn năm và được củng cố bởi cả các nhà khoa học và tôn giáo. Tuy nhiên, với sự ra đời của Thuyết Nhật tâm do Cô-péc-ních đề xuất, nhân loại đã phải từ bỏ niềm tin này để chấp nhận rằng Trái Đất và các hành tinh khác quay quanh Mặt Trời. Thuyết Nhật tâm tạo tiền đề cho các tiến bộ quan

trọng, và sau đó lại tiếp tục được *unlearn* bởi kiến thức vật lý thiên văn hiện đại, thay đổi cách con người hiểu về vũ trụ.

Trong lĩnh vực xã hội, những niềm tin vô căn cứ về các nhóm yếu thế từng củng cố cho các hệ thống phân biệt đối xử, từ đó cản trở tiến bộ về nhân quyền. Chẳng hạn, định kiến rằng nữ giới kém cỏi hơn nam giới đã từng được sử dụng để biện minh cho việc cấm phụ nữ tham gia bầu cử và hạn chế cơ hội theo đuổi giáo dục bậc cao của họ. Việc loại bỏ suy nghĩ rằng hôn nhân chỉ có thể xảy ra giữa nam và nữ đã mở đường cho việc hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới ở nhiều quốc gia – điều này không chỉ bảo vệ quyền lợi pháp lý cho các cặp đôi LGBTQ+ mà còn khuyến khích việc chấp nhận và tôn trọng sự đa dạng trong cộng đồng.

Với chủng tộc cũng vậy. Chúng ta cần *unlearn* quan niệm rằng chủng tộc là có thật về mặt sinh học, vì chính từ quan niệm sai lầm đó mà vô số hành vi phân biệt chủng tộc đã được hợp lý hóa bằng ngôn ngữ khoa học.

***Unlearn* chủng tộc không có nghĩa là phủ nhận sự tồn tại của phân biệt chủng tộc.** Dù không tồn tại các chủng tộc theo nghĩa sinh học, thì các hệ thống bất bình đẳng dựa trên "chủng tộc" vẫn tồn tại, được duy trì qua chính sách và pháp luật. Và chính vì phân biệt chủng tộc là có thật và gây tổn hại sâu sắc, nên chúng ta cần hiểu rằng nó không dựa trên một sự thật sinh học nào cả. Nó là một lời dối trá có hệ thống phục vụ cho chính trị. Và như mọi công cụ xã hội khác, nó có thể bị chất vấn và bị tháo gỡ.

Unlearn cái cũ có thể là một quá trình gian nan và khó nuốt hơn nhiều so với việc tiếp thu cái mới, bởi lẽ điều này đồng nghĩa với việc chấp nhận rằng có những điều tưởng chừng hiển nhiên giờ đây đã không còn chính xác, trong khi con người vốn có xu

hướng thỏa hiệp với sự quen thuộc, thoải mái và cảm giác thành thạo. Tuy nhiên sự thoải mái không giúp chúng ta tiến xa hơn. Một cá nhân chỉ thực sự phát triển và trưởng thành khi có đủ can đảm để nhận ra những lỗ hổng kiến thức của chính mình, sẵn lòng đối mặt với cảm giác bất an, gạt bỏ cái tôi để mở rộng quan điểm và đón nhận những thay đổi.

Và đó là thách thức mà Rất Đỗi Tự Hào gửi đến bạn: Hãy *unlearn* khái niệm chủng tộc. Hãy chấp nhận rằng chủng tộc không tồn tại về mặt sinh học, mà chỉ tồn tại như một công cụ do phân biệt chủng tộc tạo ra.

Chúng ta không thể thay đổi dòng nước xung quanh nếu không nhận ra rằng nó tồn tại. Và *unlearn* chính là bước đầu tiên để thấy rõ dòng nước đó.

Làm sao để *unlearn* tư duy phân biệt chủng tộc?

Đào tạo về định kiến ngầm là chưa đủ. Vậy điều gì mới thực sự hiệu quả?

Dịch từ bài viết của tạp chí Scientific American.

Tác giả: Abigail Libers là một nhà báo và biên tập viên tự do sinh sống tại New York.

Ảnh: Benjamin Currie

Vào tháng 2 năm 2016, tôi ngồi trong phòng hội thảo tại thượng Đông Manhattan cùng với khoảng 35 người khác, cố gắng trả lời một câu hỏi tưởng chừng như đơn giản: *Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc là gì?*

Tôi - một phụ nữ da trắng lành lặn, hợp giới, ở tuổi hàng "băm" - nghĩ rằng phân biệt chủng tộc là thành kiến đối với một cá nhân dựa trên chủng tộc hoặc sắc tộc. Đó là lý do tôi đăng ký tham gia Hội thảo gỡ bỏ phân biệt chủng tộc (Undoing Racism Workshop) kéo dài hai ngày rưỡi - một khóa đào tạo chống phân biệt chủng tộc phân tích cấu trúc quyền lực và chủng tộc ở Hoa Kỳ: tôi muốn hiểu rõ hơn vì sao một số người lại có thái độ khinh miệt sâu sắc đối với những người khác biệt với họ. Khát khao tìm lời giải đáp của tôi bắt nguồn từ trải nghiệm cá nhân với sự phân

biệt đối xử mà tôi từng gặp phải khi là một phụ nữ Do Thái và là con gái của người nhập cư; cha mẹ tôi đã chạy trốn khỏi Liên Xô cũ để đến Hoa Kỳ vào năm 1979. Lớn lên ở một thị trấn nhỏ ở vùng thượng bang New York, sau đó là một thị trấn thậm chí còn nhỏ và nông thôn hơn ở bang Georgia, tôi thường bị bắt nạt và luôn có cảm giác bị "ra rìa".

Hội thảo được tổ chức bởi Viện Vì Sinh tồn và Vượt lên của Nhân dân (People's Institute for Survival and Beyond - PISAB), một tổ chức thành lập cách đây 40 năm bởi các nhà hoạt động cộng đồng với mục tiêu xây dựng xã hội công bằng hơn thông qua giải quyết tận gốc nguyên nhân của phân biệt chủng tộc. Các nhóm trưởng - một người đàn ông da đen, một phụ nữ da trắng và một phụ nữ gốc Latinh - yêu cầu mỗi người tham gia chia sẻ định nghĩa của mình về phân biệt chủng tộc. Câu trả lời của mọi người rất đa dạng, từ “một lối tư duy thiển cận, độc ác” cho đến “sự phân biệt dựa trên màu da hoặc nguồn gốc sắc tộc”. Những hướng dẫn viên xác nhận từng câu trả lời trước khi chỉ ra rằng chúng đa dạng thế nào, và cho thấy rất ít người trong chúng tôi xác định phân biệt chủng tộc là một mạng lưới quyền lực và sự áp bức mang tính thể chế dựa trên màu da. Việc không có một định nghĩa rõ ràng và thống nhất khiến phân biệt chủng tộc dễ dàng tồn tại hơn. Người ta nói để gỡ bỏ phân biệt chủng tộc, ta cần một ngôn ngữ chung để kết nối các yếu tố cá nhân và hệ thống. Nhìn thấy phân biệt chủng tộc được mô tả như một hệ thống phân cấp quyền lực đã làm tôi sáng mắt ra. Vì từng bị lề hóa, tôi đã nghĩ mình có sự cảm thông với các nhóm bị phân biệt khác. Tôi tưởng rằng mình đã hiểu rõ vấn đề.

Trong năm vừa qua, nước Mỹ đã phải đối mặt với phân biệt chủng tộc trên quy mô lớn chưa từng thấy kể từ phong trào dân

quyền. Các vụ sát hại George Floyd, Ahmaud Arbery, Breonna Taylor và những cuộc biểu tình phản đối nạn phân biệt chủng tộc có hệ thống và bạo lực của cảnh sát đã có sự tham gia của nhiều sắc tộc. Một số người da trắng lần đầu tham gia vào các cuộc biểu tình Black Lives Matter - phong trào bắt đầu từ năm 2013 - và đã tận mắt chứng kiến sự tàn bạo của cảnh sát mà trước đây chỉ được nghe nói hoặc xem qua trên điện thoại. Những trải nghiệm này chỉ là một phần rất nhỏ trong thực trạng bạo lực và áp bức mà người da đen phải chịu đựng. Đại dịch càng tô đậm những bất công chủng tộc mà người ta vẫn đang phản đối, khi các cộng đồng người da đen, La-tinh và thổ dân bản địa chịu ảnh hưởng bất cân xứng từ COVID-19. Nhiều cuộc thảo luận rộng rãi cho rằng bạo lực cảnh sát và tỷ lệ tử vong vì dịch bệnh không phải là hai vấn đề tách biệt - chúng đều là sản phẩm của một hệ thống phân biệt chủng tộc toàn diện.

Định nghĩa về phân biệt chủng tộc của PISAB (cũng tương tự với các tổ chức chống phân biệt chủng tộc khác như Viện Công bằng Chủng tộc (Racial Equity Institute)) là thành kiến chủng tộc cộng với quyền lực. Định nghĩa này mô tả cách mà phân biệt chủng tộc (cá nhân và hệ thống) liên kết với nhau. Tất cả chúng ta đều có thành kiến cá nhân về chủng tộc: ai cũng có thể đánh giá người khác chỉ dựa trên chủng tộc. Nhưng điều khiến phân biệt chủng tộc khác với thành kiến cá nhân là ở chỗ ai nắm quyền lực thể chế. Người da trắng kiểm soát các hệ thống và thể chế trong mọi lĩnh vực, từ hành pháp, giáo dục, y tế đến truyền thông, dẫn đến những luật lệ và chính sách có thể đem lại lợi thế cho người da trắng trong khi gây bất lợi cho các nhóm khác.

Sự thống trị của người da trắng trong hệ thống của ta là lý do bạn có thể đã nghe người ta gọi nước Mỹ là một xã hội thượng

đẳng da trắng. Trong bối cảnh này, thượng đẳng da trắng không chỉ đề cập đến các nhóm thù ghét như các nhóm tân Quốc xã hay Ku Klux Klan, mà là cả một hệ thống nơi một nhóm người có mọi đặc quyền. "Phân biệt chủng tộc chính là thượng đẳng da trắng", Joseph Barndt - một nhà tổ chức và huấn luyện viên chủ chốt của PISAB, đồng thời là tác giả cuốn Understanding and Dismantling Racism: The Twenty-First Century Challenge to White America (tạm dịch là *Hiểu và gỡ bỏ phân biệt chủng tộc: Thách thức thế kỷ 21 đối với nước Mỹ da trắng*) - cho biết. "Đó là việc trao quyền cho một nhóm chủng tộc được cho là vượt trội hơn nhóm khác và tạo ra các hệ thống để củng cố điều đó".

Khi ngày càng nhiều người da trắng muốn đối mặt và loại bỏ phân biệt chủng tộc trong chính cuộc sống của mình, họ đang học cách để "thực sự hành động". Trong những năm gần đây, các khóa đào tạo về định kiến ngầm - với mục tiêu giúp mọi người nhận ra những liên tưởng và khuôn mẫu tiêu cực mà họ mang theo trong tiềm thức - đã được sử dụng rộng rãi nhằm nâng cao nhận thức về phân biệt chủng tộc tại môi trường làm việc. Tuy nhiên, chỉ giải quyết thành kiến là chưa đủ để có thể đối đầu với những hệ thống, tư tưởng và truyền thừa phân biệt chủng tộc vốn đã ăn sâu vào đời sống hàng ngày. Không có giải pháp nào phù hợp cho tất cả, nhưng nghiên cứu cho thấy việc gỡ bỏ phân biệt chủng tộc thường bắt đầu bằng việc hiểu đúng thế nào là chủng tộc và phân biệt chủng tộc. Phát triển bản sắc chủng tộc tích cực cũng rất thiết yếu; để có thể cảm thấy - không chỉ ý thức - rằng phân biệt chủng tộc gây hại cho *tất cả* chúng ta, cuối cùng là học cách phá bỏ thói quen thiên kiến và trở thành người chống phân biệt chủng tộc một cách chủ động. Tuy nhiên, điều này không thể thực hiện chỉ trong một cuối tuần. Với tôi, một trong

những bước đầu tiên là phải từ bỏ những ý niệm sai lầm về cơ sở hình thành các phân loại chủng tộc.

"Tính da trắng" trong nguồn gốc của chủng tộc

Chủng tộc ăn sâu trong xã hội của chúng ta, nhưng vẫn thường bị hiểu sai là một cấu trúc sinh học thay vì một khái niệm văn hóa. Các phân loại chủng tộc thật ra là một ý niệm khá hiện đại, theo lời Crystal Fleming, giáo sư ngành xã hội học tại Đại học Stony Brook và là tác giả cuốn How to Be Less Stupid about Race (tạm dịch là *Làm sao để bớt ngu ngốc khi nói về chủng tộc?*): "Xét đến việc loài người đã tồn tại ít nhất vài trăm ngàn năm, thì ý niệm về chủng tộc mới chỉ xuất hiện trong vài thế kỷ gần đây". Đây là lịch sử mà hầu hết người Mỹ không được dạy ở trường.

Các phân loại sai lệch về loài người, sau này được gọi là "chủng tộc", bắt đầu từ thế kỷ 16 và 17 khi giới giáo sĩ Cơ Đốc bắt đầu đặt câu hỏi liệu "da đen" và "da đỏ" có phải là con người hay không. Khi chế độ nô lệ và mở rộng thuộc địa trở nên phổ biến, tôn giáo được sử dụng để biện minh cho việc phân loại người da đen và các nhóm sắc tộc khác là "ngoại đạo và vô hồn". Nhưng khi nhiều người trong số họ cải đạo sang Cơ Đốc giáo và thời kỳ Khai sáng bắt đầu vào thế kỷ 18, tôn giáo dần mất đi quyền năng hợp thức hóa của mình.

Thay vào đó, "khoa học" được sử dụng để biện minh cho việc nô dịch hóa người châu Phi và tiêu diệt người bản địa - điều đã diễn ra ở các thuộc địa Anh hơn một thế kỷ trước. Johann Friedrich Blumenbach, một nhà nhân chủng học và giải phẫu so

sánh người Đức, là người đề xuất một trong những hệ thống phân loại con người đầu tiên, thứ được viết vào cuối thế kỷ XVIII.

Ông đã đo sọ người từ khắp nơi trên thế giới và chia con người thành năm nhóm, sau đó các nhà nhân chủng học đơn giản hóa còn ba nhóm chính: Caucasoid (người da trắng), Mongoloid (người da vàng), và Negroid (người da đen). Việc một số nhà khoa học nổi tiếng, bao gồm Charles Darwin, bác bỏ nền tảng sinh học của chủng tộc trong thế kỷ sau đó dường như không có tác dụng gì. Nhiều nhà khoa học tiếp tục cống hiến cho việc chứng minh một hệ thống phân cấp chủng tộc sai lầm, trong đó Caucasoid được cho là vượt trội hơn các chủng tộc khác.

Tại Hoa Kỳ, lãnh đạo giới chính trị và trí thức đã củng cố hệ tư tưởng sai lệch rằng người châu Phi thấp kém về mặt sinh học so với các chủng tộc khác và do đó phù hợp nhất để làm nô lệ. Sau cuộc nổi dậy của Bacon vào năm 1676 - một cuộc nổi dậy tập hợp cả người lao động da trắng và da đen - các nhà lập pháp Virginia bắt đầu ban hành luật pháp phân biệt rõ ràng giữa "người da trắng" và "người da đen". Người lao động da trắng sau khi mãn hạn phục dịch có thể được tự do và sở hữu đất đai; còn người da đen thì buộc phải phục dịch trọn đời. Với Đạo luật Nhập tịch năm 1790, Quốc hội đã luật hóa lợi thế chủng tộc của người da trắng bằng cách giới hạn quyền nhập tịch chỉ cho "người da trắng tự do", cụ thể là nam giới da trắng. Phụ nữ, người da màu và người phục dịch hợp đồng đều bị loại trừ.

Khi sự thượng đẳng được khắc sâu vào luật pháp, quyền lực xã hội và chính trị của người da trắng ra đời. Da trắng, với tư cách một phân loại, ngày càng gắn liền với tài nguyên và quyền lực: luật lệ và thông lệ cụ thể khiến "trắng" trở thành điều kiện cần

để được sống ở một số khu dân cư, được bầu cử, được sở hữu đất, được ra làm chứng trước tòa có bồi thẩm đoàn. Di sản của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc "khoa học" vẫn còn tồn tại đến tận ngày nay.

Dù sinh học đã chứng minh rằng không tồn tại các chủng tộc tách biệt về mặt di truyền, nhưng *bản sắc* chủng tộc - cách bạn và người khác nhìn nhận chủng tộc của bạn - là hoàn toàn có thật, và hệ quả của nó cũng vậy. Trong một xã hội do người da trắng chi phối như nước Mỹ, người da trắng thường không ý thức được bản sắc của chính mình và có xu hướng coi mình là "trung lập", là "phi chủng tộc". Theo nghiên cứu của nhà tâm lý học Janet Helms, người đã công bố mô hình sáu giai đoạn phát triển bản sắc chủng tộc của người da trắng vào năm 1999, trong đó giai đoạn đầu tiên đặc trưng bởi sự thiếu nhận thức về phân biệt chủng tộc văn hóa và thể chế. Giai đoạn này cũng thường đi kèm với tư duy "mù màu" - tưởng rằng không thấy sự khác biệt của người khác là đặc tính tốt cần hướng tới.

Học giả kiêm nhà hoạt động Peggy McIntosh từng viết trong một bài báo năm 1989 rằng sự thiếu nhận thức này là điều rất phổ biến. Bà mô tả đặc quyền da trắng như "một gói tài sản vô hình mà tôi có thể tiêu xài hàng ngày, nhưng lại được "thiết kế" để tôi không nhận ra. Đặc quyền da trắng giống như một chiếc ba lô vô hình không trọng lượng chứa đầy những tiện nghi đặc biệt, bản đồ, hộ chiếu, mật mã, thị thực, quần áo, công cụ và séc trắng".

Vì vậy, để gỡ bỏ phân biệt chủng tộc, người da trắng trước tiên phải xem xét bản sắc chủng tộc của chính họ. Các học giả và nhà văn da đen đã biết điều này hơn một thế kỷ nay - sự tồn tại của họ phụ thuộc vào điều đó. Frederick Douglass, W.E.B. Du Bois,

James Baldwin, Audre Lorde, Angela Davis, Ta-Nehisi Coates và nhiều người khác đã quan sát, phân tích và viết về "tính da trắng" qua nhiều thế hệ. Du Bois đã đưa ra những quan sát về "tính da trắng" từ năm 1899 trong nghiên cứu xã hội học The Philadelphia Negro (tạm dịch là *Người da đen ở Philadelphia*) và năm 1935 với cuốn Black Reconstruction in America (tạm dịch là *Tái thiết nước Mỹ của người da đen*). Gần đây, Ijeoma Oluo, tác giả cuốn So You Want to Talk about Race (tạm dịch là *Vậy bạn muốn nói về chủng tộc?*), viết trong một bài nổi tiếng trên Medium rằng: "Tôi hiểu văn hóa da trắng còn rõ hơn hầu hết người da trắng".

Chỉ trong vài thập kỷ trở lại đây, các học giả da trắng mới bắt đầu nhìn lại chính mình thông qua sự ra đời của lĩnh vực Nghiên cứu Phê phán về Tính da trắng (Critical Whiteness Studies - CWS) - một ngành học đang phát triển nhằm phân tích các cấu trúc của chủ nghĩa thượng đẳng da trắng và đặc quyền da trắng, tìm hiểu ý nghĩa của những đặc quyền đó và việc đồng lõa với phân biệt chủng tộc. Theo Barbara Applebaum, giáo sư triết học và giáo dục tại Đại học Syracuse, CWS dịch chuyển trọng tâm - và do đó chuyển hướng sự đổ lỗi - thay vì nhắm vào các nạn nhân của phân biệt chủng tộc thì nay thủ phạm phải chịu trách nhiệm. Bà giải thích: "Nó chỉ thẳng vào vấn đề nổi cộm - tức là quá trình tạo ra và duy trì tính da trắng".

Hội thảo là chưa đủ

Trong khoảng 20 năm qua, các sáng kiến nhằm giải quyết phân biệt chủng tộc đã tập trung mạnh vào các khóa huấn luyện về định kiến ngầm. Ngày càng nhiều nghiên cứu trong ngành khoa học nhận thức cho thấy những định kiến ngầm này ảnh

hưởng đến thái độ và hành vi, dẫn đến hậu quả thực tế như sự phân biệt chủng tộc của cảnh sát.

Các khóa huấn luyện, thường do phòng nhân sự tài trợ nhưng do các công ty tư vấn bên ngoài thực hiện, có thể bao gồm các chuyên đề hướng dẫn người tham gia hiểu định kiến ngầm là gì, bắt nguồn từ đâu, biểu hiện trong nơi làm việc như thế nào, cách đo lường (thường qua bài kiểm tra Implicit Association Test), và cách để giảm thiểu nó. Trong thế kỷ qua, các khóa này được áp dụng rộng rãi trong mảng hành pháp cũng như công nghệ, chẳng hạn Facebook và Google tổ chức đào tạo cho hàng nghìn nhân viên. Gần đây, các khóa đào tạo chống định kiến cũng được áp dụng trong trường học cho giáo viên.

Mặc dù các buổi đào tạo này có thể hữu ích trong việc bóc trần những định kiến ngầm, nhưng kết quả cho thấy chúng không dẫn đến thay đổi hành vi trong dài hạn ở cả cấp độ cá nhân lẫn hệ thống. Trong một bài báo đăng trên *Anthropology Now* năm 2018, nhà xã hội học Frank Dobbin, Đại học Harvard đã viết: "Hàng trăm nghiên cứu từ thập niên 1930 cho thấy rằng các khóa đào tạo chống định kiến không làm giảm định kiến, điều chỉnh hành vi hay cải thiện môi trường làm việc".

Một phân tích tổng hợp gần đây từ 492 nghiên cứu (tổng cộng 87.418 người tham gia) về hiệu quả của các khóa đào tạo này cho thấy tác động đến định kiến vô thức là rất yếu. Các tác giả lưu ý rằng "phần lớn các nghiên cứu tập trung vào thay đổi ngắn hạn với các can thiệp hời hợt và chỉ một lần", và rằng hầu hết các khóa đào tạo chỉ "tạo ra thay đổi hành vi không đáng kể". Họ kết luận rằng việc thay đổi định kiến ngầm là khả thi, nhưng không nhất thiết dẫn đến thay đổi trong định kiến hiện hữu hay hành vi, và

đang có sự thiếu sót nghiêm trọng các nghiên cứu về hiệu quả lâu dài.

"Các khóa đào tạo định kiến ngầm giúp nâng cao nhận thức, nhưng chúng cũng khiến mọi người cảm thấy, "Đó chỉ là cách bộ não vận hành thôi mà"", theo Rachel Godsil, đồng sáng lập và đồng giám đốc Viện Nhận thức (Perception Institute), tổ chức chuyên hợp tác với các nhà khoa học xã hội để nghiên cứu hiệu quả của các can thiệp nhằm giải quyết định kiến ngầm, lo âu chủng tộc và khuôn mẫu xã hội. "Nó khiến người ta có cảm giác được miễn trách nhiệm". Không phải bộ não bạn mặc định phân biệt chủng tộc, mà là nó được lập trình để phân loại con người. Và như Godsil giải thích, các phân loại mà xã hội Mỹ tạo ra thường mang ý nghĩa tiêu cực đối với các nhóm bị thiệt thòi. Bà nhấn mạnh rằng một phần của việc gỡ bỏ phân biệt chủng tộc là tách rời khuôn mẫu khỏi bản sắc và sự thật tuyệt đối: "Bạn không cố giả vờ mù màu hay làm như những phân loại này không tồn tại, nhưng bạn cũng không giả định mình biết điều gì đó về một người chỉ dựa vào bản sắc của họ".

Các khóa đào tạo chống phân biệt chủng tộc, như Hội thảo gỡ bỏ phân biệt chủng tộc, khác biệt đáng kể so với huấn luyện định kiến ngầm ở chỗ chúng đòi hỏi nhiều hơn cả về trí tuệ lẫn cảm xúc. Vì không diễn ra trong môi trường công sở, nên các cuộc thảo luận thường trung thực và thẳng thắn hơn. Trong khóa PISAB mà tôi tham dự, chúng tôi đã nhìn thẳng vào chủ nghĩa thượng đẳng da trắng và vai trò của chính mình trong việc duy trì nó. Sau khi ôn lại lịch sử phân biệt chủng tộc ở Mỹ, những hướng dẫn viên đã bàn về thái độ chủng tộc cá nhân và thể chế, về áp bức và đặc quyền, và về cách các tổ chức duy trì phân biệt chủng tộc một cách ngấm ngầm hoặc công khai. Chúng tôi được

trao quyền để trở thành những "người gác cổng" - tức là các nhà lãnh đạo có thể tạo ra thay đổi trong nơi làm việc và cộng đồng của mình.

Phương pháp luận của PISAB bắt nguồn từ các nguyên tắc tổ chức cộng đồng mà những người sáng lập của nhóm đã phát triển suốt nhiều thập kỷ. Cách tiếp cận của họ dựa trên phương pháp sư phạm của nhà triết học Paulo Freire, người tập trung vào việc liên kết tri thức với hành động để mọi người có thể tạo ra thay đổi thực sự trong cộng đồng. Các chương trình đào tạo chống phân biệt chủng tộc khác, như của Tổ chức và đào tạo chống Phân biệt chủng tộc Crossroads, cũng có cách tiếp cận tương tự. Ngược lại, Robin DiAngelo - tác giả cuốn White Fragility: Why It's So Hard for White People to Talk about Racism (tạm dịch là *Tính da trắng mong manh: Vì sao người da trắng khó nói về phân biệt chủng tộc*) - người đã thu hút nhiều sự chú ý gần đây, lại thường tổ chức các buổi diễn thuyết tập trung nhiều hơn vào định kiến cá nhân và đặc quyền da trắng.

Dù những khóa học này có thể tạo tác động mạnh theo nhiều cách, mức độ hiệu quả của chúng là chưa rõ ràng - và nếu có hiệu quả, thì chưa rõ là vì sao và bằng cách nào. Một nghiên cứu đăng trên *Race and Social Problems* năm 2015 nhằm đo lường tác động của khóa huấn luyện của PISAB cho thấy khoảng 60% người tham gia đã thực hiện các hoạt động vì công bằng chủng tộc sau khi hoàn thành khóa học Undoing Racism. "Các khóa học này mang ý tốt, nhưng chúng ta không biết liệu chúng có thực sự hiệu quả không, vì chưa có thử nghiệm đối chứng ngẫu nhiên nào để chứng minh", theo Patricia Devine, giáo sư tâm lý học chuyên nghiên cứu thành kiến tại Đại học Wisconsin–Madison.

Các chương trình đào tạo về định kiến, đa dạng và chống phân biệt chủng tộc có thể bị giới hạn hiệu quả, phần vì chúng thường là các sự kiện ngắn hạn chỉ diễn ra một lần. Nghiên cứu đầy hứa hẹn của Devine năm 2013 cho thấy định kiến và thiên kiến có thể được gỡ bỏ hiệu quả hơn thông qua can thiệp dài hạn. Nghiên cứu kéo dài 12 tuần này dựa trên giả định rằng định kiến ngầm là một thói quen có thể phá bỏ thông qua các bước sau: nhận thức được định kiến của bản thân, phát triển sự quan tâm đến tác hại của định kiến đó và áp dụng các chiến lược cụ thể để giảm định kiến - cụ thể là thay các phản ứng thiên kiến bằng những phản hồi sẽ phản ánh các mục tiêu phi thành kiến của bản thân.

Các nhà nghiên cứu lập luận rằng động lực để "phá vỡ thói quen định kiến" đến từ hai nguồn: đầu tiên, bạn phải ý thức được định kiến của mình, và thứ hai, bạn phải quan tâm đến hậu quả của những định kiến đó thì mới có động lực để nỗ lực loại bỏ chúng. Các nghiên cứu gần đây cho thấy việc tiếp xúc với nhiều nhóm chủng tộc khác nhau có thể giúp mọi người quan tâm hơn đến công bằng chủng tộc. Chẳng hạn, một tổng quan năm 2018 cho thấy rằng việc gia tăng tiếp xúc giữa các nhóm chủng tộc giúp củng cố sự đầu tư tâm lý vào bình đẳng qua việc khiến người ta trở nên đồng cảm hơn.

Với Fleming, người đã giảng dạy cho hàng ngàn sinh viên đại học, việc giảng dạy về định kiến ngầm trong khuôn khổ một khóa học kéo dài ba tháng "hiệu quả hơn rất nhiều so với việc bị ép tham dự một khóa đào tạo về đa dạng trong một buổi chiều", bà nói. "Người ta cần được truyền cảm hứng. Họ cần có mong muốn suy ngẫm một cách phê phán không chỉ về định kiến của mình mà còn về quá trình xã hội hóa và điều kiện hóa mà họ đã

trải qua - và mong muốn trở thành một phần của sự chuyển hóa xã hội tích cực. Điều đó không thể bị ép buộc".

Cảm nhận tác hại của phân biệt chủng tộc

Nguồn cảm hứng mà Fleming nhắc đến chính là điều thôi thúc tôi bắt đầu quá trình gỡ bỏ tư duy phân biệt chủng tộc - để tự giáo dục lại bản thân về một phần lớn lịch sử nước Mỹ cũng như mở mang tầm mắt trước tính da trắng và chủ nghĩa thượng đẳng da trắng. Nhưng quá trình gỡ bỏ chỉ là bước đầu; nó cần được chuyển hóa thành cam kết thực hành, chẳng hạn như phá vỡ sự im lặng của người da trắng và áp dụng lăng kính chống phân biệt chủng tộc vào công việc. Điều đó chỉ khả thi và bền vững nếu ta xây dựng được sự thấu cảm và *cảm nhận* được rằng phân biệt chủng tộc không chỉ gây hại cho người da màu - mà còn làm tổn thương cả người da trắng.

Tôi chỉ thực sự nhận ra điều này khi tham gia hội thảo của PISAB lần thứ hai vào năm 2019. Tôi đăng ký theo lời khuyên của Stoop Nilsson, một nhân viên công tác xã hội và huấn luyện viên tái giáo dục về chủng tộc, giúp người da trắng học cách trở thành tiên phong chống phân biệt chủng tộc trong cộng đồng của họ. Trong buổi hội thảo, Barndt - một trong những hướng dẫn viên - chỉ ra rằng người da trắng dễ cho rằng phân biệt chủng tộc không gây hại gì cho họ. Nhưng "sự thật là, đã phân biệt chủng tộc là thua". ông nói. "Cả nhân loại đều thua. Khi không còn phân biệt chủng tộc, chúng ta mới giành lại được cuộc sống của mình".

H. Shellae Versey, một nhà nghiên cứu sức khỏe và giáo sư tâm lý học tại Đại học Fordham, nghiên cứu cách mà văn hóa thượng đẳng da trắng ảnh hưởng đến sức khỏe tinh thần của cả người da

trắng và người không phải da trắng. Trong một bài nghiên cứu năm 2019, bà và các đồng tác giả đã chỉ ra cách mà người da trắng cũng bị tổn thương bởi câu chuyện hoang đường về chế độ nhân tài - tức là ý niệm rằng cứ làm việc chăm chỉ và tự mình vượt khó thì sẽ thành công. Khi điều đó không xảy ra (ví dụ: không được thăng chức dù đã nỗ lực hết mình), thế giới quan của bạn bị đe dọa và dẫn đến căng thẳng nghiêm trọng, theo các nghiên cứu.

Versey cũng lưu ý rằng nhiều người da trắng phản đối các chương trình y tế xã hội như Đạo luật Chăm sóc sức khỏe với giá phải chăng (Affordable Care Act) - những chương trình thực ra có lợi cho họ - một phần vì họ tin rằng các chương trình này được thiết kế để ưu tiên người da màu. Trong cuốn sách Dying of Whiteness (tạm dịch là *Chết vì Tính trắng*), bác sĩ Jonathan Metzl viết về một số người Mỹ da trắng ủng hộ các chính trị gia theo đuổi những chính sách làm tăng nguy cơ bệnh tật và tử vong cho chính họ.

Một cách khác khiến tất cả chúng ta đều bị tổn hại ở tần suất thường nhật là thông qua văn hóa thượng đẳng da trắng. Như Kenneth Jones và Tema Okun viết trong cuốn Dismantling Racism: A Workbook for Social Change Groups (tạm dịch là *Gỡ bỏ Phân biệt chủng tộc: Sổ tay cho các nhóm thay đổi xã hội*), các đặc điểm của văn hóa thượng đẳng da trắng bao gồm: chủ nghĩa cầu toàn, cảm giác cấp bách, bảo thủ, số lượng hơn chất lượng, chủ nghĩa gia trưởng, tư duy nhị nguyên, tích trữ quyền lực, chủ nghĩa cá nhân, và nhiều nữa.

Việc hiểu và cảm nhận được cách phân biệt chủng tộc gây hại cho bản thân tôi - dù chỉ là một phần rất nhỏ so với nỗi đau mà người da màu phải chịu - là điều giúp tôi nội hóa động lực cần có

để kiên trì gỡ bỏ nó. Tôi tự hỏi liệu văn hóa thượng đẳng da trắng có góp phần vào chứng lo âu cao độ của tôi hay không - thứ biểu hiện bằng các cơn đau nửa đầu và tình trạng da tay bong tróc. Tôi đang dần nhìn rõ hơn mối liên hệ giữa văn hóa thượng đẳng da trắng với việc phủ nhận biến đổi khí hậu, cũng như với chủ nghĩa gia trưởng và lối tư duy cứng nhắc mà tôi từng trải trong nhiều công việc khác nhau.

Làm việc với Nilsson giúp tôi xây dựng một bản sắc chủng tộc tích cực cho chính mình - với tư cách là người da trắng và một người Do Thái gốc Nga. Đất nước chúng ta tự hào là miền đất đa chủng tộc, nhưng rất nhiều thứ đã bị đánh mất trong quá trình đồng hóa vào tính da trắng và văn hóa thượng đẳng da trắng. Những dấu hiệu của bản sắc dân tộc như ngôn ngữ, ẩm thực, văn hóa và âm nhạc thường bị gạt bỏ; những người không có gốc gác Tây Âu thường bị miệt thị. Trong gia đình tôi, cha mẹ tôi vì quá chú tâm học tiếng Anh nên hầu như không bao giờ nói tiếng Nga ở nhà. Tôi chưa bao giờ học được tiếng Nga. Điều đó khiến tôi buồn vì không thể trò chuyện với cha mẹ mình bằng tiếng mẹ đẻ, và tôi vẫn biết quá ít về di sản của gia đình. Gần đây, mẹ tôi cảm thấy thất vọng khi cố nhớ một từ tiếng Anh để diễn tả cảm xúc của bà; tôi lo rằng những lời cuối cùng của bà sẽ là tiếng Nga - và tôi sẽ không hiểu được chúng.

Giữa đại dịch COVID-19, một mùa bầu cử căng thẳng và các phong trào biểu tình chủng tộc làm sáng tỏ những vấn đề ảnh hưởng đến tất cả mọi người, nhiều người Mỹ đang xem xét lại xem điều gì là quan trọng nhất. Người da trắng có thể đang dần tỉnh ngộ về những khía cạnh trong cuộc sống mà trước đây họ không nhận ra - cùng với những lịch sử, văn chương và di sản đã bị loại khỏi chương trình giáo dục phổ thông từ lâu. Sự thức tỉnh

này có thể dẫn dắt con người hướng đến việc tạo dựng một bản sắc chủng tộc tích cực, không gắn với chủ nghĩa thượng đẳng da trắng - một bản sắc dựa trên sự công nhận đầy đủ quyền lực của tính da trắng trong xã hội chúng ta, và tận dụng sự hiểu biết đó để theo đuổi bình đẳng và công lý cho tất cả mọi người. Nếu bỏ qua bước này, người ta dễ buông xuôi hoặc tệ hơn - gây thêm tổn hại; sự xấu hổ và thù ghét bản thân không phải là động lực hiệu quả, mà còn có thể cản trở sức mạnh và sự kiên trì cần có để thúc đẩy thay đổi hệ thống.

Sau vài năm bước trên hành trình này, tôi chỉ chắc chắn một điều: chống phân biệt chủng tộc là một quá trình trọn đời. Trong cuốn sách Why Are All the Black Kids Sitting Together in the Cafeteria? (tạm dịch là *Vì sao tất cả lũ trẻ da đen ngồi cùng một bàn trong căng-tin?*), nhà tâm lý học Beverly Daniel Tatum so sánh phân biệt chủng tộc với bụi mịn - một thứ mà tất cả chúng ta đều hít thở; không ai miễn nhiễm với nó. Nỗ lực gỡ bỏ tư duy phân biệt chủng tộc với tôi là việc ý thức từng hơi thở vào - và cố gắng để mỗi hơi thở ra bớt mang theo nó.